

Hương Thiền

31 TUYÊN TẬP VĂN THƠ
MỪNG XUÂN ẤT MÙI 2015

Phật



Signature and date 2015



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Cung Chúc Tân Xuân



“Nhân dịp đón Xuân Ất Mùi, thay mặt Ban Trị sự Phật giáo Quận 8, tôi xin kính chúc quý Chư Tôn Hoà Thượng, chư Tôn Giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội các cấp, chư Tôn Hoà Thượng, Thượng Toạ Đại Đức, Tăng Ni, quý lãnh đạo các cấp chính quyền một năm mới **VÔ LƯỢNG AN LẠC, VÔ LƯỢNG CÁTTƯỜNG**”.

HT.Thích Thiện Lương

Trưởng ban Trị sự GHPGVN Quận 8



TT. Thích Thiện Tài
(Trụ trì chùa Linh Bửu) bên
tượng Phật chùa Gal Viharaya
(thị trấn Polonnaruwa) trong
chuyến hành hương Sri Lanka
từ ngày 08 đến 15/12/2014.



HƯƠNG THIÊN 31

BAN CỐ VẤN

HT. Thích Hiền Pháp

HT. Thích Giác Quang

HT. Thích Nhật Quang

BAN CHỦ NHIỆM

TT. Thích Thiện Tài

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

Nhà báo Nguyễn Đức Tố

CHỦ BIÊN

Nhà báo Phan Cát Tường

VĂN PHÒNG

ĐC: 304 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.HCM

ĐT: (08)38503410 - 0913724043

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA-VĂN NGHỆ

TP. HỒ CHÍ MINH - 2015

Lá thư Chủ nhiệm

Quý độc giả đang cầm trên tay ấn phẩm Hương Thiền số 31, cũng là Hương Thiền số đặc biệt mừng Xuân Ất Mùi 2015. Ấn phẩm này mang dấu ấn một quá trình lao động miệt mài và nghiêm túc trong suốt 8 năm trời của tập thể Ban Cố vấn, Ban Chủ nhiệm, Ban Biên soạn và đội ngũ cộng tác viên gồm nhiều nhà văn, nhà thơ có tâm huyết với nền văn hóa Phật giáo.

Từ Hương Thiền 31, nội dung sẽ tập trung nhiều hơn đến truyện ngắn và thơ vốn là hai mảng truyền thống và có ưu thế của tuyển tập này.

Về hình thức, manchette Hương Thiền sẽ chuyển từ lối trình bày chân phương sang lối trình bày logo để tạo không gian thông thoáng cho ảnh bìa, làm tăng tính thẩm mỹ của ấn phẩm đồng thời giúp cho việc nhận diện ấn phẩm dễ dàng hơn.

Và cũng từ số này, do yêu cầu cân đối thu chi, Hương Thiền sẽ tăng giá bìa lên 3.000 đồng (tức từ 15.000 đồng lên 18.000 đồng). Xin quý độc giả hoan hỷ nhin chút tịnh tài để ủng hộ một ấn phẩm non trẻ nhưng luôn hết lòng với nền văn hóa Phật giáo.

Cuối cùng, xin kính chúc NXB Văn hóa - Văn nghệ chur Tôn đức Tăng Ni và quý cộng tác viên, quý độc giả một năm mới thân tâm an lạc, phước huệ miên trường.

TM. BAN CHỦ NHIỆM

TT. Thích Thiện Tài

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

khai thị



Bất luận là người tu tại gia hay xuất gia, cần phải trên kính dưới hòa, nhẫn nhục điều mà người khác khó nhẫn được, làm những việc mà người khác khó làm được; thay người làm những việc cực nhọc, thành toàn cho người là việc tốt đẹp. Khi tĩnh tọa thường nghĩ đến điều lỗi của mình. Lúc nhàn đàm đừng bàn đến điều sai trái của người. Lúc đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, mặc, từ sáng đến tối, từ tối đến sáng chỉ niệm Phật hiệu không để gián đoạn: hoặc niệm nho nhỏ, hoặc niệm thầm.

Ngoài việc niệm Phật, đừng dấy khởi một niệm nào khác. Nếu khởi vọng niệm phải tức thời bỏ ngay. Thường có lòng hổ thẹn và tâm sám hối. Nếu đã tu trì, phải tự hiểu là công phu của ta hãy còn nông cạn, chẳng nên tự kiêu căng, khoa trương. Chỉ nên chăm sóc việc nhà mình, đừng nên dính vào việc nhà người. Chỉ nên nhìn đến những hình dạng tốt đẹp, đừng để mắt tới những hình dạng xấu xa bại hoại. Hãy coi mọi người như Bồ-tát, mà ta chỉ là kẻ phàm phu.

Nếu quả có thể tu hành được như vậy thì nhất định được vãng sanh về Tây-phương Cực-lạc Thế-giới.

XUẤT GIA

Xuất gia, nghĩa thứ nhất là *xuất hồng trần gia*, cũng gọi là xuất thế tục gia. Hồng trần gia hay thế tục gia đều là nơi dễ tạo nghiệp nhất. Ta có khuynh hướng chạy theo ngũ dục lạc, luôn sống trong tâm trạng bất an. Người hiểu đạo phải rời ngay căn nhà thế tục đó, và gởi thân nơi cảnh chùa.

Xưa kia, chùa chiền thường được gọi là chốn Không môn hay cửa Không. Tiếng Phạn gọi là A Lan Nhã. Chữ “Không” hàm ý chỉ cái tâm không còn thấy gì của thế gian, không tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến.

Một khi ở chùa, phải bỏ hết tâm thế gian, tâm đời, phải y giáo phụng hành, chớ nên giữ lại những tâm hơn, tâm thua, tâm thương, tâm ghét. Nếu còn những tâm đó thì sao gọi là vào chốn Không môn.

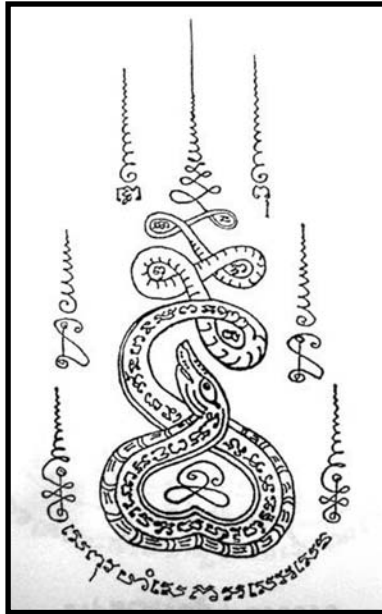
Khi xưa, đức Thế Tôn tu khổ hạnh nơi rừng sâu núi thẳm, nơi đó cũng gọi là chốn Không môn.

(Trích “Phật pháp vấn đáp”)

Kinh Rượu

(Phẩm APAYIMHA, kinh BỒN SANH)

HT. THÍCH MINH CHÂU dịch



“Thật là một tội lỗi lớn nếu uống rượu, vì uống rượu làm cho một người có trí tuệ và thân thông như Sàgata mù quáng không thấy công đức của đức Phật”.

KINH RƯỢU (Tiền thân Surapàna)

Chúng con đã uống rượu...,

Câu chuyện này, khi bậc Đạo Sư ở tại vườn Ghosita gần Kosambi, đã kể về Trưởng lão Sàgata.

Sau khi an cư mùa mưa ở Xá-vệ, đức Thế Tôn đi bộ đến một thị trấn tên là Bhaddavatikà. Tại đây, các người chăn bò, chăn dê, làm ruộng, người đi đường thấy bậc Đạo Sư liền đánh lễ Ngài và ngăn chặn Ngài:

- Bạch Thế Tôn, chớ đi đến bến nước Amba (Cây xoài). Tại bến nước cây xoài, trong am thất của những ngoại đạo bện tóc, có con rắn thần (Nàga) nguy hiểm tên Ambatitthaka (rắn thần ở bến cây xoài). Nó có thể làm hại Thế Tôn.

Thế Tôn làm như không nghe lời nói của họ, dù họ nói lời can ngăn lần thứ ba, vẫn cứ đi tới. Trong khi Thế Tôn trú trong một khu rừng không xa Bhaddavatikà, thì Trưởng lão Sàgata, một thị giả của đức Phật, đầy đủ thần thông của hạng phạm phu, đi đến am thất ấy, tại trú xứ của xà vương ấy, trải niệm cỏ và ngồi kiết-già.

Không thể giấu nổi ác tánh, con rắn thần phun khói. Trưởng lão cũng phun khói. Con rắn thần phun lửa. Trưởng lão cũng phun lửa. Lửa con rắn thần không làm hại Trưởng lão nhưng lửa của Trưởng lão lại làm hại con rắn thần. Như

vậy, trong giây lát, Trưởng lão nhiếp phục con rắn thần khiến nó thọ Tam quy và Ngũ giới, rồi đi đến bậc Đạo Sư. Sau đó bậc Đạo Sư ở tại Bhaddavatika cho đến khi thỏa thích rồi đi đến Kosambi.

Tin Trưởng lão Sàgata nhiếp phục con rắn thần lan khắp vùng ấy. Các thị dân ở Kosambi đến nghênh đón bậc Đạo Sư, đánh lễ ngài, sau đó họ đi đến gần Trưởng lão Sàgata, đánh lễ Trưởng lão, đứng một bên và nói như sau:

- Thưa Tôn giả, hãy nói lên những vật gì Tôn giả cần, chúng con sẽ lo liệu đủ.

Trưởng lão giữ im lặng. Nhưng nhóm Sáu Tỷ-kheo nói:

- Nay chư Hiền, đối với các người xuất gia, rượu trắng khó tìm và rất thích ý. Các ông xem có thể tìm được rượu trắng trong cho Trưởng lão không?

Các vị thị dân bằng lòng, mời bậc Đạo Sư ngày mai thọ trai. Rồi họ đi vào thành, sắp đặt mọi người, mỗi nhà phải có rượu trắng trong để cúng dường Trưởng lão.

Hôm sau, họ mời Trưởng lão vào cúng dường rượu trắng. Trong mỗi nhà, Trưởng lão đều uống rượu và bị say. Khi đi ra khỏi thành, Trưởng lão ngã xuống tại cửa thành, vừa nằm vừa nói mê sảng. Bậc Đạo Sư dùng com xong, đi ra khỏi thành, thấy Trưởng lão nằm trong hoàn cảnh như vậy, liền bảo các Tỷ-kheo mang Sàgata về tịnh xá. Các Tỷ-kheo đặt Trưởng lão nằm, đầu Trưởng lão dưới chân đức

Như Lai, nhưng Trưởng lão xoay trở lại nằm đặt chân trước mặt đức Như Lai. Bậc Đạo Sư hỏi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, nay Sàgata có tỏ sự kính trọng đối với Ta như trước kia đã làm không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Nay các Tỷ-kheo, ai đã nhiếp phục con xà vương Ambatitthakà?

- Sàgata, bạch Thế Tôn.

- Nhưng nay Sàgata có thể nhiếp phục được một con rắn nước không?

- Thưa không được, bạch Thế Tôn.

- Nay các Tỷ-kheo, có thích hợp chăng khi uống một loại gì khiến con người mất lý trí?

- Thưa không thích hợp, bạch Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn chỉ trích Trưởng lão và bảo các Tỷ-kheo:

- Ai uống rượu men rượu nấu, người ấy phạm tội cần phải thú nhận và xin sám hối.

Sau khi thiết lập học giới, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào Hương phòng. Các Tỷ-kheo, hội họp tại Chánh pháp đường, nói lời chỉ trích uống rượu:

- Thật là một tội lỗi lớn nếu uống rượu, vì uống rượu làm cho một người có trí tuệ và thần thông như Sàgata mù quáng không thấy công đức của đức Phật.

Bậc Đạo Sư đến Pháp đường và hỏi:

- Này các Tỷ-kheo, các ông ngồi tại đây đang bàn vấn đề gì?

Sau khi được biết vấn đề trên, bậc Đạo Sư nói:

- Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay các vị xuất gia này mới uống rượu và mất lý trí, mà trước kia họ cũng đã làm vậy rồi. Nói xong, bậc Đạo Sư kể câu chuyện quá khứ.

MÔN SINH UỐNG RƯỢU

Ngày xưa, khi vua Bramadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bô-tát sanh ra trong một gia đình phượng bắc ở nước Kàsi. Khi đến tuổi trưởng thành, người xuất gia làm tiên nhân du sĩ, đạt được các Thắng trí và Thiền chứng, vui hưởng thiên lạc, trú ở dãy Hy-mã-lạp Sơn, được vây quanh giữa năm trăm môn sinh. Khi mùa mưa đến, các môn sinh thưa với Bô-tát:

- Thưa Sư trưởng, chúng con sẽ đi đến chỗ có người ở để xin muối và giấm.

- Các Hiền giả, ta sẽ ở lại đây. Các con hãy đi, hãy bảo trọng lấy thân, và sống qua mùa mưa rồi trở về.

- Thưa Sư trưởng, vâng.

Họ đánh lễ Sư trưởng, đi đến Ba-la-nại, và sống trong công viên của vua. Ngày kế tiếp, họ đi khát thực ngoài cửa làng, nhận đồ cúng dường đầy đủ, ngày kế tiếp nữa, họ

trở về thành. Mọi người thương mến cúng dường đồ ăn và sau vài ngày họ báo cho vua biết:

- Thưa Thiên tử, có năm trăm ân sĩ từ Hy-mã-lạp Sơn đến trú ở công viên, tu hạnh khắc khổ, nhiếp phục các căn, và giữ giới.

Vua nghe công đức của các vị ấy, liền đi đến công viên, đánh lễ, tiếp đón họ niềm nở, và mời họ ở lại đó trong bốn tháng mùa mưa. Từ đây trở đi, họ ăn trong cung điện nhà vua và ở tại công viên. Một hôm có một ngày hội lớn uống rượu trong thành. Nhà vua nghĩ rằng, các vị xuất gia khó có được rượu, nên cúng dường họ nhiều rượu thượng hạng. Các nhà khổ hạnh uống rượu, đi vô công viên, bị rượu làm cho say, một số người đứng dậy múa, một số người hát, một số sau khi múa và hát, vút lung tung những thúng đựng gạo v.v... rồi nằm xuống ngủ. Khi hết say rượu, họ tỉnh dậy, nghe và thấy những hành động bất chánh của mình, họ khóc than:

- Chúng ta đã làm những hành động không xứng đáng với người xuất gia. Chúng ta sở dĩ làm điều ác như vậy vì chúng ta sống không có bậc sư trưởng của chúng ta.

Ngay lúc ấy, họ từ bỏ công viên, đi về Hy-mã-lạp Sơn. Sau khi dọn dẹp các vật cần dùng, họ đánh lễ Sư trưởng và ngồi xuống, Sư trưởng hỏi:

- Nay các con thân, các con có được an lạc không? Khi đi khát thực có mệt nhọc không? Các con có sống hòa

hợp với nhau không?

- Thừa Sư trưởng, chúng con đã sống được an lạc. Nhưng chúng con đã uống rượu, lẽ ra, không được uống; rượu làm cho mất lý trí, không giữ được chánh niệm nên chúng con đã hát và đã múa. Họ báo rõ mọi sự việc rồi đọc bài kệ này:

*Chúng con đã uống rượu,
Đã hát, múa và khóc,
Uống rượu mất lý trí,
Đâu được hóa thành vượn ?*

Bồ-tát nói:

- Do vì không ở với vị Sư trưởng nên sự việc như vậy đã xảy ra.

Sau khi quở trách các vị tu khổ hạnh ấy, Bồ-tát khuyến giáo họ:

- Từ nay chớ làm như vậy nữa.

Rồi trọn đời tu tập Thiền định không gián đoạn, Bồ-tát được sanh lên cõi Phạm Thiên.

* * *

Sau khi thuyết pháp thoại này, bậc Đạo Sư nhận diện tiền thân như sau:

- Lúc bấy giờ, hội chúng của vị ân sĩ là hội chúng đức Phật, vị Sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

Trang thơ NHẬT TRIẾT

HOÀI XUÂN

Mùa xuân ẩn trong lộc biếc
Rung rung cành lá non tơ
Nắng xuân làm hồng đôi má
Tròn xoe đôi mắt trẻ thơ

Mùa xuân trong tiếng dương cầm
Réo rắt một thời tiếc nhớ
Ngoài hiên mai vàng nở rộ
Khi trời trở gió giao mùa

Mùa xuân tôi đi xuống phố
Dập dìu áo lụa tung bay
Căng mắt đi tìm bóng cũ
Ngờ đâu áo lụa nhạt phai!

Trở về trong căn gác nhỏ
Cổ xua hình bóng đi xa
Cắm vào cành mai tươi thắm
Mùa xuân uống trà bên hoa.



BÓNG THỜI GIAN (tranh Nhật Triết)

KHÔNG ĐỀ

Một đời nửa kiếp rong chơi
Chính em là đóa hoa đời cho tôi
Ngoài hiên mai đã nở hoa
Mới hay trời đất giao hòa nên xuân.

Đỗ Mỹ Loan

TRẦY LỘC

Cùng anh
trầy lợc
cầu may
Chen nhau
rớt
cái nắm tay
giữa đường
Không dựng
nước mắt trào tuôn
Ờ thì...
nắm lại
nắm luôn
cả đời

Tế Diên Hòa Thượng

HƯƠNG THANH NGỌC



TẾ ĐIÊN HÒA THƯỢNG

Tế Diên Hòa Thượng hay **Tế Công**, **Tế Diên Hoạt Phật** (chữ Hán: 濟癡和尚、濟公活佛) tên thật Lý Đạo Tế, là một nhân vật có thật và cũng là nhân vật trong tác phẩm văn học dân gian Trung Quốc, kể lại sự tích một vị Thiền sư thuộc phái Dương Kỳ, tông Lâm Tế, sống vào đời Tống (khoảng 1150 – 1209) người Lâm Hải (Chiết Giang), họ Lý, tên Tâm Viễn, tự Hồ Ân, hiệu Phương Viên Tẩu sống tại vùng Chiết Giang, Trung Quốc. Ông là một tăng sĩ nhưng ham uống rượu, ăn thịt chó nên người đời gọi ông là Tế Diên. Sau này dân gian gọi ông là Tế Công.

Cuộc sống của vị Thiền sư này có nhiều điều kỳ bí khác đời và cũng khác với đời sống tu hành của Tăng chúng đương thời. Tính tình ông cuồng phóng, thích rượu, thích thịt chó người đời gọi ông là “*Tế Diên*”, nhưng ông lại là người rất “*tĩnh*”, từ bi và ưa giúp đời. Tế Diên sống ở núi Thiên Thai, sau đó đi đến Hàng Châu (cách Thiên Thai 300 km). Tại Hàng Châu có chùa Linh Ân là nơi hòa thượng Tế Diên xuất gia năm 18 tuổi. Ông lần lượt tham học với các vị: Pháp Không Nhất Bản ở chùa Quán Âm. Sau sư vào núi Hồ Khâu làm môn hạ ngài Hạt Đường Huệ Viễn và nổi dòng pháp này. Sư lại đến ở chùa Tịnh Từ, chùa này bị thiêu hủy vì hỏa tai, Sư đi hành hóa ở *Lăng Nghiêm* trùng tu lại. Cư dân ở vùng Tần Hồ ăn ốc thường chặt đuôi ốc để

ăn. Sư xin những con ốc này thả lại trong nước, ốc phần lớn sống lại mà không có đuôi.

Năm 1209, sư thị tịch, thọ 60 tuổi, nhục thân của sư nhập vào tháp tại Hổ Bào.

Tế Diên được mô tả mặc quần áo rách rưới, gầy guộc xương và tay cầm quạt mo. Các thế tượng Tế Diên đều được miêu tả nhân dáng thế này, nhưng thực tế - theo truyền thuyết tay ông còn cầm đùi chó, nhưng trong chùa không tiện thờ những hình dáng thế này. Có khi Tế Diên lại được tạc theo thế tay cầm bình rượu nhưng bị chó cắn gấu quần. Lý giải cho việc tại sao mình ăn thịt chó, theo truyện Tế Diên Hòa Thượng thì ông nói:

*Cổ thi Phật Tổ để một phong,
Dạy khuyên tu miệng lẫn tu lòng,
Người nay tu miệng, lòng không sửa.
Bản tạng lòng sửa, miệng thì không.*

Tế Diên theo truyền thuyết giống như đến cõi trần vui chơi, để đùa giỡn và cũng để giáo hóa cho con người thấy tất cả đều chỉ là trò ảo giác của sắc thân, của chữ nghĩa, của tư tưởng, chúng đều là chuyện đáng để đùa giỡn.

Tế Công lấy củi từ dưới giếng

Một câu chuyện nổi tiếng kể rằng Tế Công đã dùng công năng để kéo gỗ từ dưới giếng. Để xây dựng lại chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu cần huy động rất nhiều gỗ, trong khi loại gỗ tốt nhất lại ở tỉnh Tứ Xuyên cách đó 900 dặm. Các

hòa thượng đều cảm thấy vô vọng.

Nhưng điều đó không làm Tế Công chùn lòng. Ông đã dùng công năng chuyển hết khối gỗ này đến khối khác, những hòa thượng khác chỉ việc xếp gỗ vào vị trí. Đến khi một vị hòa thượng ra hiệu rằng đủ gỗ rồi, Tế Công đã lấy được một khối gỗ khác, nhưng khi nghe tiếng ra hiệu của vị hòa thượng kia thì dừng lại và một nửa khúc gỗ cuối cùng vẫn còn ngập nước giếng. Người đời sau đã xây một đình tưởng niệm tại đây và đặt tên là “Giếng Thần Mộc”

Giúp đỡ đôi vợ chồng già ở “Đường Quạt”

Con đường mang tên “Đường Quạt” ở Hàng Châu đã để lại một câu chuyện khác về Tế Công.

Ngày xưa con đường này chưa mang tên và nơi đây có rất nhiều người nghèo sinh sống. Trong đó có một cặp vợ chồng lớn tuổi mở một cửa hàng nhỏ để bán và sửa quạt, nhưng việc kinh doanh không thuận lợi khiến họ trở nên cơ cực và đói khổ.

Một ngày nọ, có một vị hòa thượng rách rưới bước vào cửa hàng và nhờ đôi vợ chồng già sửa quạt giúp ông. Người chồng nhìn vào chiếc quạt mo rách nát và cười cay đắng: rách thế này thì làm sao mà sửa được đây. Ông ta chưa kịp nói gì thì hòa thượng kia đã biến mất. Mặc dù cặp vợ chồng già này rất nghèo, nhưng họ mãi lòng cho vị hòa thượng còn nghèo hơn họ, thế nên họ đã quyết định thay thế bằng một chiếc quạt mới mà không nói gì với vị hòa

Tôi không muốn vươn mình như ngọn sóng
Đổ ập vào vụn vỡ nát tan nhanh
Nếu đi giữa đại dương đang gào thét
Xin được làm vỏ ốc giữa biển xanh.

Y Ê N S A

thượng.

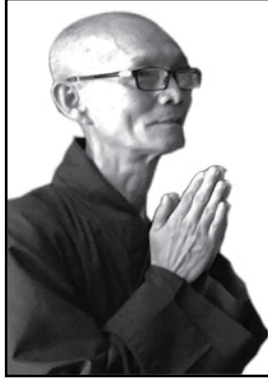
Hai tiếng sau vị hòa thượng quay trở lại, cặp vợ chồng già đã trao cho ông ta chiếc quạt mới tinh. Hòa thượng vô cùng ngạc nhiên với chiếc quạt mới và gửi lại tiền sửa quạt. Khi bước ra khỏi cửa, hòa thượng nhìn xung quanh, lăm băm điều gì đó với cái cửa và mỉm cười.

Cặp vợ chồng già sau đó phát hiện một cặp câu đối trên cánh cửa như sau: “*Nghề quý có từ sự chăm chỉ và tâm lòng bao dung*” và “*Quạt đẹp đem lại sự thịnh vượng và phước đức cho đời.*”

Câu chuyện nhanh chóng được lan truyền khiến nhiều người đến viếng thăm cửa hàng hơn. Việc kinh doanh của cặp vợ chồng già cũng được thuận lợi và họ không còn phải lo lắng về vấn đề lương thực nữa.

Sau này người ta nhận ra rằng vị hòa thượng đó chính là Tể Công và từ đó con đường được đặt tên là “Đường Quạt.”

Trang thơ THÍCH THIỆN TÀI



HÀNH HƯƠNG SRI LANKA

Sri lanka - Sri lanka
Cái nôi quốc giáo, Phật đà hiển linh
Ta về cõi Tịnh chính mình
Ta còn không biết có mình nữa chăng?

* * *

Lật từng trang thánh thư
Ta trở về quá khứ
Gãm hai ngàn năm dư
Trước mắt ta,... thật ư?

* * *

Trung tâm Phật giáo viện
Mười bảy nước kết duyên
Năm sắc màu linh thiêng
Chư Phật quốc, hiện tiền
* * *

Đền thiêng Phật sử bia
Thánh tích vẫn còn kia
Hòa bình Phật giải khuyển
Ngưng máu lệ đầm đìa
* * *

Thánh địa ngàn năm xưa
Phật ban phúc sa mưa
Tay dù con tấm mát
Tận hưởng chút ân thừa!
* * *

Tầm mắt trông hướng về
Tua tủa lá xum xuê
Trơ gan cùng tuế nguyệt
Giá đỡ cây Bồ đề

*(Kỷ niệm chuyến hành hương Phật quốc
Sri Lanka từ 8 đến 15/12/2014 (PL. 2558)*

Nguyễn Hải Thảo

LỘC XUÂN

Em rót xuống đời anh
Những giọt tình sóng sánh
Như ly rượu mùa xuân
Kề môi xanh khát vọng

Em thả xuống tim anh
Những đóa hồng rực rỡ
Hạnh phúc đọng trên cành
Bàn tay thơm nỗi nhớ

Em nghiêng xuống hồn anh
Dòng tóc nào quấn quýt
Những sợi buồn mong manh
Níu cuộc tình oan nghiệt

Em rơi xuống lòng anh
Những cơn mưa bất chợt
Như những nụ tình xanh
Đợi xuân về nẩy lộc...

Tỳ Bà ma khúc

Truyện ngắn

Nguyên tác: *Hirai Teiichi*

Lafcadio Hearn dịch từ Anh ra Nhật

Nguyễn Nam Trân dịch từ Nhật sang Việt



TỶ BÀ MA KHÚC

Cách đây hơn bảy trăm năm, vùng Dan no Ura ngang eo biển Shimonoseki là nơi xảy ra trận quyết chiến giữa hai giòng họ Minamoto và Taira (1). Ở Dan no Ura, một nhà Taira từ đàn bà con nít đến cả vị ấu chúa mà ngày nay người ta còn nhớ đến qua cái tên Thiên Hoàng Antoku (An Đức), đều bị tuyệt diệt.

Từ đó đến nay bao nhiêu nước đã chảy qua cầu mà một vùng biển Dan no Ura vẫn còn xì xào những chuyện kinh dị về hồn ma vất vưởng của giòng họ Taira. Đừng nói chi đến những con cua Heike (một tên khác của Taira) trên lưng mang hình mặt người như muốn giữ lại dấu tích oán hờn của các chiến sĩ Taira, (lũ cua mà người kể chuyện đã có lần nhắc đến trong một tác phẩm khác), trên một vùng biển đó, người ta đã nghe, đã thấy bao nhiêu là sự kiện kỳ quái. Ví dụ cái cảnh hàng nghìn ánh lửa ma trôi không biết đâu ra, lướt trên ngọn sóng trong những đêm tối đen. Dân chài thường gọi nó là «qui hoả», loại ánh sáng xanh lè lạnh lẽo. Nào đã thôi đâu, những ngày gió lớn, lúc đó từ ngoài khơi lại vọng về những tiếng thét gào cuồng nộ như âm thanh sát phạt trên bãi chiến trường.

Xưa đã thế, nhưng ngày nay những con ma Taira còn lộ mặt hơn trước nữa. Ma hiện ra bên thuyền bè đi lại ngoài khơi, tìm cách nhận đấm hoặc chờ những ai đang

boi lội giữa giòng, bắt thần chụp lấy rồi kéo họ xuống đáy biển. Cái chùa A Di Đà lập lên ở vùng Akamagaseki (nay là Shimonoseki) vốn nhằm mục đích cúng tế, an ủi vong linh những con ma Taira ấy. Phần đất cuối chùa nơi sát biển, nhà chùa có dành ra một khu chôn cất, dựng bia mộ khắc tên vị thiên hoàng chết đuối cũng như tên quần thần của người, mỗi năm đến ngày giỗ chạp, đều lập đàn tràng giải oan. Từ khi A Di Đà Tự lập ra, rồi đến khi bia đá dựng lên thì quỷ quái họ Taira cũng bớt quấy người. Dù vậy, những chuyện quái dị không vì thế mà hoàn toàn chấm dứt, điều đó chứng tỏ vong linh kia vẫn chưa được phiêu diêu về cõi thọ.

CHÀNG MÙ HÔI CHI

Vài trăm năm trước ở vùng Akamagaseki có một chàng mù tên gọi Hôiichi (Phương Nhất). Hôiichi nổi danh về tài đánh tì bà và hát theo điệu đàn. Cái tài đánh đàn kể chuyện, anh chàng vốn có từ ngày bé. Khi hãy còn là một gã thiếu niên, tài chàng đã vượt cả thầy học. Chẳng thế mà mấy chốc Hôiichi đã trở thành nhạc sư tì bà, sở trường về khúc «Truyện hai nhà Minamoto-Taira tranh hùng». Người ta bảo khi Hôiichi chơi đến đoạn nói về cảnh thủy chiến ở Dan no Ura thì nào nùng ai oán đến «quỷ thần cũng phải cảm thương nhỏ lệ».

Lúc Hôiichi chưa có danh chi, chàng ta rất nghèo. May nhờ có một người tri kỷ nâng đỡ. Người ấy là hoà thượng trụ trì chùa A Di Đà, một nhà tu hành tinh thông cả thi ca

âm luật, lâu lâu vẫn gọi Hôichi đến chùa đánh tì bà cho cụ nghe. Hoà thượng thấy chàng tuổi trẻ tài cao, thương mến muốn giúp đỡ đến độ mời chàng đến trọ hẳn. Hôichi cảm lòng tốt của cụ, bèn nhận lời. Từ đó, Hôichi vào ở hẳn một gian hậu liêu. Cảm cái ơn cho nơi ăn chốn ở, hễ đêm nào không có khách mời chơi đàn, Hôichi vác tì bà đến đánh để hoà thượng giải sầu, và như thế thành lệ.

QUÁI LỆNH SAMURAI

Chuyện xảy ra vào một buổi chiều mùa hạ. Hôm đó, một đàn việt có tang ma, sư cụ phải đi đọc kinh suốt đêm, mấy chú tiểu chú điệu đều tháp tùng. Hôichi ở lại canh chùa một mình. Trời nóng hầm, Hôichi lò mò ra ngoài hàng hiên trước phòng ngủ để kiếm chút hơi mát. Hàng hiên này nhìn ra khu vườn nhỏ phía sau chùa. Hôichi ra ngồi đấy với ý định chờ sư cụ về, nhưng ngồi một mình mãi không làm gì cũng buồn, chàng mới bắt đầu dạo một khúc tì bà. Qua nửa đêm mà sư cụ vẫn chưa về. Hôichi dợm vào phòng nằm duỗi tay chân một lát thì thấy không khí trong phòng hãy còn nóng, chàng ta mới ra ngoài lại. Vừa trở ra, Hôichi bỗng nghe có tiếng chân người từ cánh cổng sau tiến lại gần. Ai đó đi xuyên qua cánh vườn con, tiến về phía hàng hiên. Đang phỏng đoán như thế thì chàng ta nghe bước chân kia đã tới sát trước mặt mình, đứng sựng lại. Nhưng người đó không phải là hoà thượng. Một giọng to, khoẻ cất lên gọi tên chàng mù. Giọng trịch thượng, kể cả như giọng samurai

gay gắt gọi người dưới:

- Hôichi!

Hôichi quá kinh hoàng đến độ trong một chốc không cất thành tiếng. Giọng nói kia lại như ra lệnh:

- Hôichi!

- Thưa vâng!

Chàng mù lí nhí trả lời, chả bù với giọng nói nhanh như gió cuốn của người lạ.

- Thưa tôi mù loà, không thấy đường. Vị nào đang gọi tôi đây ạ...

- Người chó sợ.

Giọng nói bỗng có phần dịu lại, người lạ tiếp lời:

- Ta nhân đóng quân ở gần vùng này, có việc mới ghé qua đây. Chủ quân của ta là bậc cao quý, xưa vẫn ra vào chỗ cung cấm. Nay bề trên, và đoàn tùy tùng của ngài ghé trọ qua đêm ở vùng Akamagaseki này, biết đến trận quyết chiến ở Dan no Ura nên ghé vãng cảnh. Bề trên nghe đồn tài kể truyện của người rất cao diệu, ngài muốn nghe một khúc. Vậy người hãy mau mau lấy đàn theo ta đến chỗ dừng chân của các bậc tôn quý. Các vị ấy đang chờ người đó!

Thời ấy, samurai đã ra lệnh thì mọi người phải răm rắp tuân theo. Hôichi vội vội vàng vàng xỏ dép, vác đàn, đi theo người lạ. Người vũ sĩ nắm tay Hôichi một cách gọn gàng, kéo chàng ta đi nhanh như tên bắn. Bàn tay người lạ rắn như thép nguội, mỗi bước đi, bên sườn có tiếng lách

cách như thể đang mang giáp trụ. Có lẽ người lạ là vũ sĩ cận vệ của một nhà quyền thế nào đó. Cái sợ hãi buổi đầu đã bớt dần, Hôichi điềm tĩnh trở lại, và trong lòng bắt đầu rộn lên một niềm hãnh diện. Bởi vì anh chàng nhớ ra lúc này người lạ có nhắc đến mấy chữ «một bậc cao quý ngày xưa vốn ra vào chỗ cung cấm», như vậy tài đàn của mình đã lọt đến tai một bậc đệ nhất công hầu nào rồi. Vừa nghĩ đến đó thì người vũ sĩ bỗng dừng bước. Hôichi lắng tai nghe và có cảm tưởng hai người đang đứng trước một cánh cổng lớn. Ở chốn xa thành thị phố xá như thế này, ngoài chùa A Di Đà chắc không làm sao có một cái cổng lớn cỡ này. Hôichi đang nghi hoặc thì tùy giả đã cất tiếng đồng dục:

- Khai môn!

Không phải đợi lâu, có tiếng song hồng mở nặng nề, hai người đã bước vào bên trong cửa. Đi qua khỏi một khu đình viên khá rộng, cả hai đến một cánh cửa khác. Dừng chân ở đó, tùy giả lại hô lớn: «Có ai trong đó không, xin được bẩm đã đem Hôichi về đến đây rồi!». Nói xong, có tiếng chân người từ bên trong đi ra, lại có tiếng vách giấy mở ra, tiếng rèm cửa cuốn lên, giọng đàn bà con gái xì xào. Nghe họ trò chuyện với nhau, Hôichi thầm nghĩ những người này phải là bọn thị tì trong một phủ đệ. Chàng mù dẫm ra lo lắng không biết người ta sẽ dắt mình đi đâu. Chưa kịp nghĩ ngợi gì, có người đã đưa tay dắt chàng ta đi lên năm sáu bậc thang. Đến bậc cao nhất, có lệnh phải cời dép. Bàn tay

đàn bà lại tiếp tục dắt Hôichi đi qua những khu hành lang lát gỗ nhẵn thín và dài tưởng chừng bất tận. Chàng mù rẽ quặt không biết bao nhiêu lần ngõ ngách, cột trụ, xuyên qua mấy gian phòng trải chiếu rộng toang trước khi được đưa vào trong một gian đại điện. Hôichi nghĩ ôi chao, đại điện này hẳn là nơi tụ tập các vị tôn quý vì chàng ta nghe tiếng vật áo lụa chạm nhau sột soạt như tiếng lá trong rừng xao động, tiếng người đông đảo đang trò chuyện với nhau. Họ đang thì thầm những gì, Hôichi không hiểu rõ nhưng ngôn ngữ họ đúng là của nơi gác tía lầu son.

DẠO TỶ BÀ MA KHÚC

Hôichi được lệnh cứ tự nhiên. Người ta bày trước mặt chàng một tấm nệm tròn, mềm mại và bảo ngồi lên. Hôichi đang nấn lại giây đàn thì một giọng đàn bà đã cất lên, dường như tiếng của lão chủ quản trong cung:

- Mi hãy so đây, bắt đầu dạo khúc «Truyện Heike» cho bề trên thưởng thức đi!

Nhưng nếu bà ta chỉ nói chừng đó thì Hôichi không biết phải bắt đầu từ đâu. Truyện nhà Taira dài lắm, kể biết mấy đêm mới xong. Hôichi mới đánh bạo:

- Dám thưa «Truyện Heike» khá dài, một buổi không sao kể hết. Chẳng hay bề trên muốn nghe đoạn nào?

Hỏi đến đây thì giọng lão bà lại trả lời:

- Hãy kể cho ngài nghe đoạn quyết chiến ở Dan no Ura. Trong cả «Truyện Heike», đoạn này nghe buồn thảm

thía nhất đấy!

Hôichi bèn từ từ cất giọng, kể lờp nói về trận thủy chiến khủng khiếp. Tiếng đàn khéo làm sống lại nào là tiếng mái chèo quạt nước, tiếng đoàn thuyền lao lên xung trận, tiếng tên bay xé gió, tiếng chân rầm rập xen với tiếng quân reo hò, tiếng đao kiếm giáp trụ chạm vào nhau soang soảng, tiếng người bị giẫm ngã ùm xuống nước... Trong lúc Hôichi đang ra sức trình tấu, chung quanh người nghe đã bắt đầu xuýt xoa tán thưởng. «Làm sao lại có tay đàn tuyệt vời như thế nhỉ», «Ngay ở kinh đô cũng chưa nghe ai đánh hay đến vậy», «Dưới gầm trời này hỏi ai hơn được Hôichi»..., bao nhiêu lời khen tặng lọt vào tai chàng mù. Trong lòng Hôichi rộn một niềm tự hào, chàng lại ra sức đàn hát. Tán thưởng tưởng còn như khôn dứt thì chung quanh bỗng nhiên trở lại im lặng như tờ. Lúc ấy khúc đàn đã tiến dần đến đoạn tả thảm cảnh nhà Taira, một đoàn người đẹp, trẻ thơ bỗng nhiên gặp cảnh tuyệt mệnh thương tâm, nhất là cảnh hai bà phi bỗng ầu chúa trầm mình dưới giòng nước bạc. Người nghe ai nấy ngậm ngùi thở dài, chột nổi lên đầu đây tiếng nấc tức tưởi nghẹn ngào rồi tiếng khóc oà vang. Tiếng khóc vỡ ra như không cầm lại được, chính Hôichi cũng phải ngạc nhiên không ngờ mình đã động mỗi thương tâm của người nghe đến thế. Tiếng khóc kéo dài một hồi lâu rồi như vơi đi, bốn bề bỗng yên trở lại. Trong cái im lặng đó, giọng bà lão lại cất lên:

- Ngón đàn như thế thật trên đời có một không hai. Đã đành từng nghe tiếng người đồn đãi nhưng đêm nay xem mi trở tài mới biết lời đồn kia còn thua sự thật. Đức vương thượng rất hài lòng. Ngài còn giáng chỉ cho chúng ta bảo phải ban cho mi nhiều tặng vật để thưởng công. Vậy kể từ đêm nay, trong suốt sáu đêm, mỗi đêm mi phải tới đây đánh đàn, đàn tiếp cho chúng ta nghe. Nếu đức ngài không phải lên đường thượng kinh gấp, thì ngày mai, cũng vào giờ khắc này, sẽ có người gọi mi tới dinh này. Kể dẫn đường cho mi hôm nay ngày mai sẽ đến đón. Ta chỉ có một điều căn dặn mi là chuyện bề trên ngự đến Akamagaseki này, mi không được hé môi cho ai. Đức ngài vi hành tới vùng này nên không muốn trong hay ngoài biết. Hôm nay như thế là xong, mi có thể lui về chùa được rồi.

HÔI GIA

Hôiichi rửa mình chào xong, bàn tay thị nữ lại dắt chàng ta ra tận cửa, ở đó, người tùy giả lúc nãy đã đợi để đưa chàng ta về chùa. Vũ sĩ đưa Hôiichi trở lại mái hiên chùa, rồi từ giã quay về. Lúc Hôiichi trở lại chùa trời đã sáng bạch, nhưng việc anh ta qua đêm ở ngoài chẳng có ai để ý. Hoà thượng coi bộ đêm đó về khuya lắm, tưởng là chàng mù đã đi ngủ từ lâu nên chẳng bận tâm. Sáng hôm sau, Hôiichi có nằm nướng một chút lấy sức, nhưng cái chuyện kỳ lạ đêm qua chàng ta không để lọt ra ngoài một tiếng. Nửa đêm hôm đó, người vũ sĩ lại đến tìm Hôiichi đi trình tấu ở

chỗ các bậc tôn quý hội họp, và cũng như đêm trước, chàng thu lượm được muôn ngàn lời tán tụng. Tuy nhiên trong lúc Hôichi đi đánh đàn, ở chùa người ta bỗng phát giác sự vắng mặt của chàng mù. Khi về chùa lúc hừng sáng, chàng ta được gọi đến trước mặt sư cụ. Sư cụ không bằng lòng chút nào, luôn miệng trách mắng:

- Hôichi, ta nói điều này chỉ vì ta lo cho người thôi. Đã mù loà, một thân một mình mà bỏ chùa đi đâu suốt đêm đến sáng. Thật không có gì nguy hiểm hơn. Nếu có đi đâu sao không bảo tụi nhỏ đưa nào nó dắt đi mà tự ý đi một mình như vậy. Thế chớ đến nay, người đã đi những đâu?

- Bạch sư cụ thứ lỗi cho con. Chỉ vì con có chút việc riêng mà ban ngày ban mặt không thu xếp xong phải kéo đến tối đấy ạ.

Hoà thượng coi mòi Hôichi không chịu nói thực, cụ không bực mình mà chỉ ngạc nhiên. Đây là chuyện không bình thường chút nào, hẳn có lý do chi đây. Hoặc giả chàng mù này đang gặp chuyện gì chẳng lành, bị ai lừa lọc gì chẳng. Lo thì lo nhưng nói thêm không tiện, hoà thượng chỉ còn biết ra lệnh cho mấy chú điếu phải trông chừng nhất cử nhất động của chàng mù. Hễ mà đến đêm Hôichi còn bỏ chùa đi đâu nữa thì phải tức tốc theo dõi.

THEO DẤU CHÂN MA

Đêm ấy khi Hôichi vừa ra khỏi chùa thì đã có người biết. Mấy chú điếu chú điếu liền xách lồng đèn theo dấu anh

chàng. Thế nhưng trời đang mưa, đường tối mịt. Bọn nhà chùa vừa ra tới ngõ lớn thì đã hút mất bóng Hôichi. Làm như thể Hôichi có chuyện phải nhanh chân đi gấp. Không thấy đường mà đi được nhanh như thế thật có trời mới hiểu, nhất là đường sá gập ghềnh. Bọn nhà chùa bèn thử xuống dưới xóm, đến những nhà Hôichi quen biết xem chàng ta có ghé đó không. Họ đi từng nhà hỏi thăm, không sót đâu cả thể mà chẳng ai rõ tung tích chàng mù. Lúc không còn biết đi đâu mới theo ven bãi lui gót trở lại chùa thì họ chợt hoảng kinh. Trong khu nghĩa địa chùa A Di Đà, bỗng văng vẳng tiếng tì bà dồn dập. Phía khu mộ địa tối om vẫn chập chờn đôi ba ánh lửa ma trời như mọi hôm. Theo ánh lửa đèn lồng, bọn trai trẻ nhà chùa rốt cục tìm ra Hôichi trong nghĩa địa. Giữa cơn mưa tầm tã, Hôichi đang ngồi thẳng lưng trước lăng Thiên Hoàng Antoku, tay đàn miệng hát, dáng điệu đau đớn thiết tha, kể sự tích cuộc tranh chiến ở Dan no Ura. Chung quanh Hôichi toàn là bia, là mộ, ngồn ngang gò đống, và trên đó hàng hàng lớp lớp những ngọn lửa quỉ lạnh lẽo chập chờn. Từ trước đến giờ, chắc chắn chưa có ai thấy một nơi nào mà ma trời tụ tập nhiều như ở đây.

- Chú Hôichi ơi, chú ơi!

Bọn trai trẻ gào lên «Chú Hôichi ơi, ma nó ám chú rồi!»

Chàng mù như không đếm xỉa gì đến lời nói đó. Không những thế, chàng ta càng mạnh tay đàn, cao giọng hát, dồn

hết tâm lực để kể truyện trận quyết chiến Dan no Ura. Bọn nhà chùa nắm vai Hôichi, lay lay lay để và nói như thét vào tai: «Chú Hôichi, chú Hôichi ơi, theo bọn tôi về chùa thôi!». Bỗng lúc đó Hôichi quay lại chúng, nói như mắng:

- Trước mặt bậc cao quý như thế này mà chúng mày dám ồn ào. Coi chừng mất đầu đấy nhé!

Lời nói chẳng ăn nhập gì đâu vào đâu làm bọn trai trẻ nhà chùa không khỏi phì cười. Đã đến mức này thì họ đủ biết Hôichi gặp đúng của gì rồi. Họ bèn hè nhau dùng sức kéo Hôichi dậy và bốc chàng ta về chùa. Theo lời dạy của sư cụ, họ thay quần áo khô và cho chàng ăn uống. Thế rồi hoà thượng giục Hôichi phải tường trình về hành vi lạ lùng của mình.

Ban đầu Hôichi còn trù trừ không muốn nói nhưng cuối cùng, nghĩ đến sư cụ xưa nay vẫn chu đáo với mình mà mình lại làm phiền, mới đem tình thực giải bày. Từ chuyện người samurai nửa đêm đến tìm mình cho đến những chuyện gì đã xảy ra từ đó đến nay, đều thuật lại cho nhà sư.

BÙA BÁT NHÃ TÂM KINH

Hoà thượng lúc đó mới nói:

- Hôichi, thật tội nghiệp cho ngươi. Ngươi đang gặp nạn lớn đấy. Khổ nỗi là ngươi không kể cho ta chuyện này sớm hơn. Trăm điều nguy khốn xảy đến cho ngươi cũng vì do cái tài đánh đàn ti bà. Tuy nhiên lúc này ngươi phải tỉnh táo để tìm cách chấm dứt cơ sự này. Mấy đêm nay ngươi

chẳng đi đánh đàn ở nhà ai cả, chỉ ra ngồi ở khu mỏ họ Taira trong nghĩa trang nhà chùa đó thôi. Thật ra hồi hôm, bọn nhỏ nó tìm ra người giữa đêm mưa trước lăng Thiên Hoàng Antoku đấy. Có thể là ma dẫn lối quỷ đưa đường cho người, nhưng những gì người đã gặp đều là huyền ảnh thôi. Một khi đã nghe lời ma quỷ thì chúng sẽ trói buộc người mãi mãi. Nay đã đến tình cảnh này chỉ còn có cách không bao giờ chịu nghe theo chúng nữa, nếu không có ngày chúng phản thân. Thật đấy, chẳng chóng thì chầy chúng sẽ giết người thôi... Mà này Hôichi, hôm nay lại có đàn việt mời đi cầu siêu suốt đêm, bắt buộc ta phải rời chùa, không thể ở bên người được. Dầu sao, trước khi đi ta cũng sẽ viết kinh lên trên người để làm bùa hộ mạng cho người.

Trước khi tắt nắng, hoà thượng bảo Hôichi phải phơi trần ra rồi cùng tăng sĩ trông việc sổ sách kho đụn, cả hai lấy bút lông xúm lại viết kinh lên người chàng mù. Từ ngực đến lưng, cả trên đầu, trên mặt, tay chân, cùi chỏ... ngay cả gan bàn chân cũng được chép đầy Bát Nhã Tâm Kinh, coi như toàn thân không thiếu chỗ nào. Chép kinh xong, hoà thượng mới ôn tồn:

- Đêm nay khi ta đi rồi, người nhớ ra ngồi chỗ hàng hiên hậu liêu mà chờ. Tất nhiên ma kia sẽ đến đón. Thế nhưng dù có chuyện gì xảy ra chẳng nữa, nhất thiết người không được trả lời, không được động đậy. Cứ câm như hến, ngồi đấy thien định theo phép Tam Muội, chuyên tâm vô

niệm cho ta. Hễ người rục rịch hay mở mồm là người tới số đó nhé. Nói vậy chớ người đừng sợ hãi gì, có gì xảy ra cũng chớ mở miệng kêu cứu, kêu cứu chỉ tổ chết sớm. Cứ làm đúng từng ly từng tí lời ta căn dặn thì người sẽ thoát hiểm từ đây.

CẮT TAI HÔI CHI

Tối đến, hoà thượng cùng tăng sĩ thủ kho ra đi. Hôiichi đứng lời sư cụ dặn, ra ngồi trước hàng hiên. Chàng mù đặt cây đàn tì bà trên sàn ván, ngồi nghiêm trang nhập định. Tâm thần yên ắng, không một tiếng ho khẽ, không một hơi thở mạnh. Cứ như thế, Hôiichi ngồi chờ từ giờ này sang giờ khác. Dần dà, đã nghe tiếng chân bước từ chỗ phía khách vắng lai tiến về phía mình. Tiếng chân đi ngang cửa gỗ, thông qua khu vườn đến bên hàng hiên, dừng lại trước mặt Hôiichi.

- Hôiichi! Vẫn cái giọng khoẻ, oang oang, cất tiếng gọi. Thế nhưng lần này chàng mù nén thở, im tiếng, châu thân bất động.

- Hôiichi! Tiếng quát lần thứ hai lạnh lạnh rợn người. Lần thứ ba nó trở nên hần học:

- Hôiichi!

Hôiichi vẫn ngồi im như tượng đá. Giọng nói kia không giữ được sự bức bối:

- Không trả lời! Quái! Thằng khôn nạn kia nó biến đi đâu nhỉ?

Tức khắc đã nghe tiếng chân bước thô bạo lên hiên. Tiếng chân xấp gần Hôichi rồi bỗng nhiên khựng lại. Hôichi cảm thấy trống ngực đập thành thạch, người run lẩy bẩy. Bên cạnh, vẫn không có một tiếng động nào.

Thoạt nhiên, cái tiếng nói thô bạo kia bỗng ghé sát bên tai chàng mù:

- Tì bà thì có mà nhạc sư tì bà không thấy. Chỉ có hai cái lỗ tai treo ở đây!... Có tai mà không nghe để trả lời. Chắc muốn trả lời mà không có miệng. Cả người chỉ còn lại cặp tai!... Được rồi, đến thế này thì ta chỉ còn có cách đem cặp tai này về cho bề trên để có chứng cứ là ta đã làm đúng mệnh lệnh của ngài.

Chỉ trong một sát na, Hôichi đã cảm thấy hai ngón tay cứng như thép nguội giật lấy tai chàng ta, rồi xoẹt, hai tai đã đứt lia. Khỏi phải nói chàng mù đau nhói đến tâm can, nhưng cắn răng không thốt nửa lời. Tiếng chân kia từ từ bước xuống khỏi hàng hiên, đi qua khu vườn, xa dần về phía cổng hậu rồi mất hút. Hôichi cảm thấy hai bên đầu có cái nước gì nóng nóng đang rờn rờn chảy xuống, nhưng vẫn không dám đưa tay lên sờ.

Tờ mờ đất, hoà thượng mới khăn gói về chùa. Đến nơi cụ đã tức tốc chạy xuống phía hiên hậu liêu. Bỗng cụ cựa dậy lên cái gì nhom nhớp, trượt chân suýt ngã. Rồi cụ bỗng hoảng hốt vì dưới ánh sáng ngọn đèn lồng, đó là một vũng máu. Nhìn ra thì trên hàng hiên, Hôichi vẫn ngồi chính

tọa trong tư thế nhập định, từ vết thương, máu nhỏ xuống nhuộm đỏ cả người.

- Hôichi đó hả!

Sư cụ ngạc nhiên kêu «Trời Phật ôi làm sao đến nỗi bị thương thế này?»

Nghe tiếng hoà thượng, Hôichi biết rằng nguy hiểm đã qua, bật lên khóc rồi bù lu bù loa kể sự thể đêm qua.

- Tội nghiệp ơi là tội nghiệp!

HÔI CHI CỤT TAI

Hoà thượng không cầm được tiếng than. «Trăm sự cũng tại ta bất cẩn. Viết kinh lên khắp người của người mà lại không viết lên tai. Thấy chỗ tai hẹp khó viết ta mới cậy thủ kho viết giùm, mà chính ta cũng chẳng chịu kiểm xem hẳn có viết cho chưa. Để đến nỗi này là do ta sơ ý... Nhưng có hối thì cũng đã muộn, điều gấp rút bây giờ là trị liệu cho người chóng bình phục. Hôichi, chớ có buồn nữa, phải vui lên, vì kể từ nay tai qua nạn khỏi rồi. Chắc chắn ma quỷ chẳng còn đến đây hạch sách quấy nhiễu nữa đâu».

Nhờ lương y tận tâm, chẳng bao lâu vết thương của Hôichi đã lành lặn. Câu chuyện kinh dị xảy đến cho chàng mù được đồn đãi nhanh chóng, danh tiếng chàng nổi lên như cồn. Bao nhiêu nhà giàu có cao quý đua nhau tới vùng Akamagaseki để thưởng thức ngón đàn của chàng, thi nhau cho vàng tặng lụa. Chẳng mấy lúc Hôichi trở thành giàu có. Thế nhưng vì câu chuyện quái dị kể trên mà Hôichi

mang cái hõn danh là «Hõichi cụt tai».

(1) Cuộc thư hùng giữa hai giòng họ quyền thần Taira, (Bình, còn gọi là Heike, Bình gia) và Minamoto (Nguyên, còn gọi là Nguyên thị (Genji)) thời Trung cổ Nhật Bản cũng giống như những cuộc tranh phong Trịnh-Nguyễn, Lê-Mạc của ta. Tháng 3 năm 1185, danh tướng Yoshitsune nhà Minamoto đánh tan đoàn chiến thuyền Taira ở Dan no Ura và mở màn cho chính trị mạc-phủ Kamakura. Cả một nhà Taira bị diệt vong, thiên hoàng Antoku (cháu ngoại họ Taira, tuổi hầy còn thơ) cũng chết theo trong trận thủy chiến. Sinh hoạt của hai giòng họ đã để lại những cổ điển bất hủ như «Genji monogatari »(Nguyên thị vật ngữ), một tác phẩm phong lưu được coi như truyện Kiều của Nhật, hay anh hùng ca «Heike monogatari »(Bình gia vật ngữ).

Nguyễn Nam Trân
Tokyo, 05/2001.

GIÁC

Tịnh Viên Cư Sĩ

Con dao vung lên ...

Tiếng chuông chùa vọng lại. Tên đồ tể buông dao xuống :
“GIÁC !” ...Ít ra, hẳn đã biết (giác) trong bầu áo của mình có hạt
minh châu. Đó là “từng phần giác!”

Còn *lấy ra được mà dùng*, là thuộc về “chuyện hồi sau”.

“Cái hồi sau”, mà Huệ Năng phải trả giá sau mười sáu
năm lăn lộn trong cõi bụi hồng; kể cả những lúc sống chung
đụng với nhóm thợ săn, từ cái đêm lên vào phương trượng gặp
Ngũ Tổ, nghe pháp khí Kim Cang, rồi thầy đưa trò vượt trốn qua
sông.

“Cái hồi sau” mà Thái tử Tất Đạt Đa, phải đấu tranh cật
lực trong sáu năm khổ hạnh ở chốn rừng già, và quyết liệt mất
còn với bốn mươi chín ngày dưới cội bồ đề ...cho đến khi sao
Mai suất hiện. Đó là hành trình thực chứng Viên Giác phía sau
niệm “giác” của người khát khao cầu đạo.

Còn chúng ta: phước mỏng, tội dày; nghiệp chướng sâu
nặng, chỉ mong “giác” được như anh hàng thịt kia là quý hóa lắm
rồi !

Cảm niệm về khí thiêng ngày Thành đạo của đấng Đại giác,
cùng trong hành - tượng – nguyên – xuân của vũ trụ đất trời. Học
hạnh người xưa, chúng ta phải trân trọng phát đại nguyện “thệ
tiên nhập” để được xứng đáng là đệ tử của Ngài. Và cầu mong
được sống miên trường trong mùa xuân của Đức Từ Thị.

Lầu gió, bên giòng sông Sê Rê Pôk.

Mùa Xuân trên non cao

Tùy bút

TRẦN TAM BẢO



“Đừng vội vàng ra tay phổ độ cứu mang, nếu con chưa thực sự Minh Tâm Kiến Tánh. Trước khi gánh vác nhiệm vụ nhiệt tình hoàng dương chánh pháp, cẩn thận trong đi đứng ngồi nằm, ở hai thời động tịnh Hồn Nhiên Niệm Phật hiển lộ Tâm thể vĩnh hằng vô phân biệt liễu thoát tử sanh. Nếu chưa làm được rốt ráo điều này, thì con chỉ là thức giả ngộ trên giáo pháp chứ không phải hành giả ngộ trên tâm pháp và trên con đường trở về bến giác sẽ thành vạ nẻo lang thang”.

(Sự trưởng khai thị)

Mùa Xuân Trên Non Cao

*Tha hương tựa gốc bồ đề
Hồn nhiên niệm Phật câu thơ vãng sanh*

Mỗi độ vào xuân, nhìn cảnh vật thiên nhiên rộn ràng như theo gió sớm, mỗi lần thấy những đóa hoa muột mà đang đượm nhuần ngũ sắc thiên hương, tự đáy lòng tôi mỹ cảm lâng lâng, quyết định về thăm mái chùa xưa Bàn Cổ Sơn Tự, nơi chan chứa ân tình một thuở tập tu.

Ngày đó ngôi chùa còn lợp tôn vách ván, sáng chiều hai buổi cháo cơm đạm bạc thanh bần. Dường như nếp sống tu hành bình dị đơn sơ đã khiến hữu tình vô tình ở già lam hòa đồng nhịp thở. Chim hót reo vui cây lá vội trở mình, hoa khép nụ hững hờ nên ong bướm ngại ngừng lẩn tránh, đất đá cũng khô khan khi hạ về oi nóng, khe suối nhỏ chọt lạnh lòng lúc đông tới phủ màn sương. Nhớ hoài mùa xuân đêm ấy, vàng trăng mênh mông soi tỏ lung trời, ánh sáng thanh lương bàng bạc, núi rừng tĩnh thức đại chúng vào thời Tịnh Độ.

Còn tôi được phép ngồi trên tảng đá phẳng lì gần trước cửa phương trượng, nôn nao chờ đợi đánh lễ Thầy Trụ trì. Không gian tràn ngập hương thơm hoa nguyệt quế, xung quanh ngân vọng tiếng côn trùng nỉ non, như cung thỉnh hòa âm theo tiếng niệm Hồng Danh Nam Mô A Di Đà

Phật... Thầy nói: “Nếu ta sớm chấp nhận con xuất gia tu, thì không khéo với kiến thức lanh lợi nhưng phước huệ chưa tròn đầy, con dễ dàng sanh niềm kiêu hãnh phân biệt”.

Rồi kế tiếp, Thầy hướng dẫn nghi thức Bá Nhật Trì Danh niệm lục tự Di Đà: đi, đứng, ngồi, nằm và ngay trong lúc ngủ, miệng niệm tai nghe ý tưởng Phật liên tục, không xen tạp gì thì lo gì chẳng tự giác tri. Bởi vì niệm Phật là cội nguồn khai mở tâm Xả – Hỷ, còn trường chay là gieo trồng hạt giống tâm Bi – Từ, thế nên trường chay niệm Phật là bốn vô lượng tâm Xả Hỷ Bi Từ mà tất cả mọi người đều có thể thực hành cơ bản. Tranh thủ thời giờ nhàn rỗi trong chương trình học ghi danh, thường trú tại chùa nhập chúng huân tu khổ hạnh, chính nếp sinh hoạt tương đối của một cận sự nam, đã giúp tôi tránh nhiều lỗi lầm đáng tiếc.

Mùa xuân năm Mậu Thân, quê hương chiến tranh lan rộng khắp, hầu hết theo lệnh Thầy lãnh nạn pháo bom. Trước lúc chia xa, duyên may đưa đẩy tao phùng, riêng tôi được nghe Thầy trực tiếp nhắc nhở: “Đừng vội vàng ra tay phổ độ cứu mang, nếu con chưa thực sự Minh Tâm Kiến Tánh. Trước khi gánh vác nhiệm vụ nhiệt tình hoàng dương chánh pháp, cẩn thận trong đi đứng ngồi nằm, ở hai thời động tịnh Hồn Nhiên Niệm Phật hiển lộ Tâm thể vĩnh hằng vô phân biệt liễu thoát tử sanh. Nếu chưa làm được rốt ráo điều này, thì con chỉ là thức giả ngộ trên giáo pháp chứ không phải hành giả ngộ trên tâm pháp và trên con đường

trở về bến giác sẽ thành vạn nẻo lang thang”.

Thời gian trình tự trôi qua... Hơn bốn mươi năm thăng trầm mưa nắng, mọi cảnh vật hoàn toàn thay đổi, ngôi chùa rêu phong được xây dựng lại đẹp khang trang, chánh điện uy nghiêm rực rỡ, tầng phòng sáng sủa uy nghi. Thậm chí trên gương mặt thầy cũng đọng nhiều nếp nhăn già cỗi, nhưng đức độ trọn lành vẫn tỏa ngời nguyên vẹn ở Ân Sư, ánh mắt yêu thương bình đẳng, nụ cười đôn hậu hiền hòa, chân tình mãi mãi chẳng phai.

Trên lối về tịnh cốc không quên dừng chân ghé vào Bửu Hương Ni Tự, tọa lạc cạnh cánh rừng bạch đàn lồng gió vi vu. Viếng thăm Ni sư Trụ trì cũng là cô bạn học ngày xưa của thời sinh viên tràn trề ước vọng, chung giảng đường miệt mài lý tưởng dưới mái trường Đại học Văn Khoa.

Thuở ấy, vượt bao dặm đường xa đưa cô tới chùa gặp Bổn Sư, Thầy hoan hỷ cho đặt Pháp danh Ngọc Lữ. Năm học cuối cùng tốt nghiệp ra làm giáo viên, an phận thủ thường ích đời hộ đạo, còn cô kiên cường quyết chí đi tu, lặng lẽ bất ngờ gửi lại bức thư, trong đó ghi vắn vện một bài thơ nghe chừng đoạn tuyệt:

*Đã quyết xa lìa nợ vấn vương
Nguyện xin xuống tóc để tròn gương
Đắp y mang bát vào ni chúng
Thanh thoát đời tu chốn Phật đường*

Giờ đây, Ni sư Ngọc Lữ đỉnh đạc vững vàng cùng

tập thể, chăm sóc khai thác nhiều khu rừng trồng cây công nghiệp. Tiếp chuyện đôi điều trước cuộc sống kinh tế suy thoái khó khăn, ngay vấn đề ăn mặc ở cũng khiến con người lấm bện bận lo toan.

Đến phần bàn bạc định hướng đời tu, Ni sư khẽ hỏi: “Chùng nào chú Bảo phủ tóc xuất gia?”. Khoảnh khắc trầm tư trước câu hỏi chân thành, tế nhị đáp rằng: “Khi tiếng gọi chú Bảo này được thay bằng hai chữ Sư huynh”.

Tôi đứng dậy xin phép già từ, Ni sư tiễn đưa tới gần cổng tam quan, dưới ánh nắng hồng rạng rỡ của ráng chiều long lanh sắc thắm, ngời chiếu trên lối sỏi mòn giữa hai hàng liễu dương thẳng tắp, trong gió thổi rì rào lay động những cành lá tươi xanh. Ni sư đứng lại trang nghiêm bên cội Bồ đề chấp tay thốt lời trân trọng: “Chúc Sư huynh về tịnh cốc bình an”.

Còn đây trang trải cõi lòng tôi, người Phật tử trong tiến trình chuyên hóa, bao giờ cũng tinh tấn và hoan hỷ nhớ mãi khúc tình thơ:

*Ta về tịnh thất xa xôi
Trầm tư nhân quả kiếp đời gian nan
Kể từ quên hết ly tan
Muôn trùng cảm ứng Đạo tràng Bồng Lai.*

Sơn Thất – Mùa mai vàng nở rộ – 2013

Trang thơ **VIÊN QUANG**



Viên Quang nguyên quán Long An, đang sống tại TP. Hồ Chí Minh, hoạt động lĩnh vực Công Nghệ Thông Tin.

THƯƠNG - GHÉT

Ta cho ghét để dành nhận thương
Ta cho thương để dành nhận ghét
Ta suy ngẫm nên thương hay ghét?
Không ghét không thương chính là ta

THIỆN DUYÊN

Trong giấc mơ đêm em lại đến
Thấp thoáng hiện bóng nước long lanh
Cuộc đời hư ảo biết đâu thực
“*Bao giờ trùng ngộ nối thiện duyên*” (*)

GIỮ - BUÔNG

Người muốn nắm giữ được, cần biết buông xả
Nắm lấy là vô minh, buông ra là trí tuệ
Người không nắm giữ được, lấy gì để buông xả
Nắm lấy là trí tuệ, buông ra là vô minh
Người không nắm giữ được - thư thái giả tạo
Người không buông ra được - trĩu nặng tâm tư
Đời người có bao điều cần nắm giữ...
Đời người có bao điều cần buông xả...
Phải biết giữ nhẹ nhàng những gì cần giữ
Phải biết buông khéo léo những gì cần buông,
Nếu ta hiểu thuật nắm giữ và buông xả
Cuộc đời mình sẽ dạo bước ung dung.....

(*) Thơ Bùi Giáng

ĐÊM MƠ CON GÁI LÀNG QUAN HỌ

TRẦN THOẠI NGUYỄN

Ai về Kinh Bắc cho ta gửi
Nụ hôn tình thắm thiết môi yêu!
Những nàng con gái làng quan họ
Khoác nón quai thao thắt lụa điều.

Em bước dịu dàng sen nở cánh
Vàng khăn mở quạt áo the đen
Đêm mơ hòa điệu xe duyên thắm
Liền anh liền chị hát cùng em!

Em hát câu dân ca bất tuyệt
“Người ơi! Người ở ...í ... đừng về!”
Ta tiếc chi bạc vàng châu báu
Đã hẹn thề, xin sống trọn đêm mê!

Lưng ong eo đứng dáng thanh tao
Em mặc phong phanh yếm lụa đào
Lò gốm một lần trưa nắng cháy
Tay em xoay vuốt đất thành lu!

Em đẹp người, đẹp nét, rất duyên
Đứng bên ta như một nàng tiên!
A ha! Con gái làng quan họ,
Đồn tự xưa: Cô tám điệu hiền!

“Ác Tăng”

Truyện ngắn

TRẦN KHÁNH MINH



“Nồi cơm mà lão đang nấu cho năm đứa trẻ ăn, thực ra là tiền của lão kiếm được từ những bó nhang thơm bán trước cổng chùa cho khách thập phương”.

“Ác Tăng”

Lão Tú rút cây roi mây để trên đầu vách lá nghe soạt một tiếng, rồi vun một vòng trước mặt lũ trẻ đang xanh máu mặt quỳ mọp trước mặt. Lão gằn giọng:

- Tý, tiền đâu? Sao chỉ có tám trăm rưởi vậy?

Tý lí nhí:

- Dạ, con thua độ năm chục.

- Độ gì?

Thằng Tý đang ấp úng thì thằng Tèo quỳ kể bên tài lanh:

- Nó thua độ đá gà đó, sư phụ!

Tiếng roi rít. Một cái đét vào mông Tý đủ để làm nó giật bắn mình, rồi mọp lạy lão Tú:

- Sư phụ tha tội. Con hứa chiều mai nộp đủ “chín chai” cho sư phụ!

Bỗng đâu bà Tư ve chai quải gánh bước vào. Bà giật cây roi trên tay lão Tú:

- Đúng là đồ “ác Tăng”, ở chùa chiền gì mà hung dữ thấy sợ! Toàn hà hiếp mấy đứa nhỏ bán vé số. Tụi bây kiếm “sạp” khác đi. Đừng theo thằng cha già “mắc gió” này nữa!

Tuy bà Tư ve chai nói thế, nhưng bà cũng muốn lũ trẻ ở với đây để vui cái chòi tranh của lão Tú, cũng vui luôn vái

mái tôn lạnh lẽo kể bên cửa bà.

Cách đây mấy năm, có mấy đứa trẻ từ Quảng Ngãi theo tàu lửa trôi giạt về cái vùng ngoại ô của đất Sài Gòn. Mấy ngày đầu chúng đi xin ăn, bị đuổi như đuổi tà. Cắm cảnh đầu đường xó chợ tha phương cầu thực của lũ trẻ, lão Tú bỏ tiền ra mua vé số từ đại lý ông Thuận cho chúng đi bán dạo. Sáng sớm tinh mơ, ông phát cho mỗi đứa trăm vé, bán hết chiều về chúng được một triệu, đưa lại ông chín trăm ngàn đồng để nộp về đại lý, gửi ông Tú hai mươi ngàn để lo bữa cơm chiều và điện nước, còn lại tám mươi ngàn thì mỗi đứa cất riêng.

Tuy vậy, chúng chẳng mấy khi làm đúng qui định đó cả. Đứa cá độ đá gà, đứa biên đề, đứa chơi bi da... Chiều về trong túi đứa nào cũng đầy “lửa”, chuyện cháy túi xảy ra thường xuyên. Thế là ông Tú đành sắm một cây roi mây to để “lập lại kỷ cương”.

Thế là cây roi mây với những tiếng vỗ đen đét vào mông lũ trẻ đã làm ông Tú có một biệt danh khác là “ác Tăng”, khiến người ta quên cả cái tên cúng cơm của ông là Nguyễn Thanh Tú trước đây. Chữ “Ác” đã là một bản án oan sai dành cho ông rồi, còn chữ “Tăng” lại càng oan ức hơn.

Số là khi chùa Đại Bi trùng tu cách đây hơn mười năm, ông Tú hãy còn là kẻ tứ cố vô thân, sống lang thang ngay trước cửa chợ gần chùa. Thấy ông nhàn rồi, thầy Tâm

Thiện khuyên ông về chùa công quả để có miếng cơm chay qua ngày. Nghe lời thầy, ông về chùa phụ trộn hồ, khuôn gạch, đẩy cát trong thời gian có công trình. Xong việc trùng tu, thầy Trụ Trì cho ông một miếng đất trống bên hông chùa để che tạm mái lá tránh nắng mưa. Thấy lão xác xơ quá, thầy Tâm Thiện cho bộ đồ rách bươm của thầy đã ngã màu, tuy vá lại đùm đụp nhưng khi lão mặc trông cũng vừa vặn và có vẻ “Tăng tướng”, lại thêm mái tóc lởm chớm như tóc con nít bị sốt ban nên có vẻ như một ông “Tăng đầu lô” hơn.

Ông mặc chiếc áo nâu sòng rách bươm đó, hàng ngày ra vô chùa thắp nhang ở miếu cô hồn trong chùa nên bị hiểu lầm là “Tăng”. Vị “Tăng” này lại có tật uống rượu và đánh con nít nên bị thêm tiếng “ác”. Thế là danh hiệu “ác Tăng” dành cho lão Tú dần dà xuất hiện ở xóm chùa Đại Bi, mặc dù thầy Tâm Thiện có khuyên Phật tử là không nên dùng chữ “Tăng” để gọi ông Tú, vì như vậy sẽ làm tổn phước ông!

Nhưng cái miệng thèo lèo của bà Tư ve chai còn “nặng ký” hơn những lời khuyên của thầy Tâm Thiện nữa. Vì bà ở sát cái chòi con của ông nên tất cả những sinh hoạt gì của ông đều không thoát khỏi con mắt tinh tường của bà.

- Ôi trời ơi, thằng Tèo đánh bị da, đưa thiếu ông có 5 ngàn đồng mà cũng bị ăn mấy roi. Thằng Út kẹt biên đề, về trẻ có một tiếng đồng hồ mà cũng đi báo dân phòng...

Thế là tiếng ác về ông đã như một cơn gió mạnh luồn vào khắp góc ngách xóm chùa Đại Bi. Một số người quá khích đến thưa thảng với thầy Tâm Thiện:

- Bạch thầy, sao thầy không đuổi cổ tên “ác Tăng” kia ra khỏi đất chùa đi. Hấn ăn thịt, uống rượu lại còn hành hạ trẻ con...

Những lần như thế, thầy Tâm Thiện chỉ cười nhẹ nhàng. Nụ cười thầy có vẻ bao dung và ẩn chứa một cái gì ưu ái dành cho ông già cô đơn kia.

* * *

Một buổi chiều cuối năm, vạt nắng vàng vọt nằm sóng soài trên khung cửa sổ mộc nát của chòi lão Tú. Cũng như mọi buổi chiều, lão say khước. Chai rượu để trên bàn đã voi đi quá nửa. Trái me xanh, môi nhậu khoái khẩu và muôn đời của lão Tú mới bị bẻ một khúc nhỏ xíu, đang nằm buồn thiu trên đĩa muối trắng tinh. Người lão sực nức mùi rượu, nhưng đôi mắt vẫn long lanh nhìn ra hương cổng chùa chờ bọn trẻ về. Nồi cơm mà lão đang nấu cho năm đứa trẻ ăn, thực ra là tiền của lão kiếm được từ những bó nhang thơm bán trước cổng chùa cho khách thập phương.

Bỗng dung lão nghe choáng váng trong đầu. Một cơn đau thắt ngực nhanh chóng vật ngã tằm thân gầy gò và đen đúa của lão già đã qua lục tuần. Lão Tú nằm bất động trên sàn xi măng, hơi thở đứt quãng. Bọn trẻ bán vé số vẫn chưa thấy trở về. Con chó mực ngủ ngử trên mặt lão và nó biết

có chuyên chẳng lành nên sửa inh ỏi rồi chạy thẳng vô chùa, kéo ống quần của thầy Tâm Thiện. Thầy chắc cũng linh cảm điều gì đó nên nhanh chân bước qua chòi lão Tú.

Thầy đỡ lão lên chiếc giường tre ọp ẹp và đắp cho lão cái chăn đầy rận. Đôi mắt đờ đẫn của lão như muốn nói với thầy điều gì. Đôi mắt ấy nhìn về hướng cái học bàn quay về phía góc tối. Biết ý, thầy Tâm Thiện đến học bàn và lôi ra được một gói giấy báo khá to, bọc nhiều lớp. Thầy mở dần từng lớp, khi tay thầy chạm đến lớp giấy cuối cùng thì đôi mắt lão long lên, tỏ vẻ sung sướng... Lão mấp máy đôi môi. Thầy Tâm Thiện kê sát tai vào miệng lão để nghe cho rõ:

- Đây là số tiền ăn mà bọn trẻ góp cho lão mỗi ngày. Lão giữ đó mấy năm rồi. Thầy giúp trả lại bọn nó, cho bọn nó có tiền về quê ăn Tết...

Chữ “Tết” của lão Tú phát âm chưa trọn thì đôi mắt lão đã đứng tròn. Đã quen với cảnh tử biệt sanh ly, thầy chấp tay niệm Phật. Tiếng niệm Phật của thầy trong trẻo và cao vút, như một điệu nhạc buồn giữa buổi chiều cuối năm.

Thầy Tâm Thiện trở về chùa lấy mấy nén nhang thơm. Khi trở lại cái chòi của lão Tú thì thầy chợt nhận ra có một nụ mai vàng nở sớm trước cổng tam quan. Nụ mai cô độc trong buổi chiều tà như muốn nói lời chia tay với một người giỏi chịu đựng những điều oan trái.

Vào chòi, thầy nhìn lần nữa cái học tử nằm trong góc

TÌNH ĐỜI

Ngày mai tôi sẽ tập làm thơ
Góp cả tình thương khắp bốn bề
Ôm lấy những mảnh đời bất hạnh
Rơi rớt vô tình của thể nhân
Tỉ tê tiếng khóc sầu số phận
Phong trần lấm nổi rét hờn căm
Tình thương xin mở lòng thồn thức
Cầu sót chia người chút nghĩa ân.

Phúc Hậu (Gia đình An Nhiên)

khuất và chợt hiểu ra rằng cái lão “ác Tăng” kia, thật ra rất đỗi từ bi. Ông đã dùng những đồng tiền ít ỏi của chính mình để nuôi bọn trẻ, lại còn dạy chúng những bài học cơ bản của đạo làm người. Khi mọi người hiểu được tấm lòng vàng thì lão đã hóa ra người thiên cô.

Ngày xưa, Quan Âm Thị Kính hẳn đã chọn lựa cách này để dạy các đệ tử một đức hạnh quan trọng trong sáu hạnh của Bồ tát: Hạnh nhẫn nhục...

TRẦN KHÁNH MINH

Trang thơ NGUYỄN NGỌC THƠ



THẢ THƠ

Đất trời say
cứ lặng thinh!
nắng lên
ủ giọt mưa tình ngu ngơ
mềm môi
mây gió
thả thơ
cõi người hững hờ
ngâm khờ khúc Không!

LẮNG TRÔI

Chuông chùa
đọng lại trong tôi
âm vang lạnh lạnh như lời
tim rơi...
ngược xuôi
đắm nửa mặt người
phần đời còn lại theo “thời”
lắng trôi...

**“thời”: Thời không-kinh Bát Nhã Ba La Mật*

T Â M X U Â N

Dòng đời tựa áng mây trôi
Sắc xanh như nước, biển-trời mù khơi
Em về hứng giọt mưa rơi
Sóng vương mắt lệ cuối trời tiễn đưa...

Hoàng hôn nghe nắng chiều thưa
Hơi xuân còn đọng trên tà áo xuân
Đào hoa mấy nụ tàn ngần
Tình xuân một thuở chín mòn gót chưa?

Đi-về trong cội gió mưa
Áo xanh xưa ấy hóa ra vô thường
Đâu đây vắng tiếng môi hường?
Chợt nghe tâm thức vỗ trường hoàng hoa...

Ta về gội rửa hồn ta
Hòa chung sắc biếc trắng ngà vị tha
Mười phương đồng trụ một nhà
Tịch nhiên hư khúc tỳ bà là xuân!

TRẦN BẢO ĐỊNH

SƯ TÀI

(Kính tặng TT. Thích Thiện Tài)

Công phu chiều Linh Bửu
Hương Thiền nhẹ hăng bay
Không tánh kinh vô tự
Từ bi ngộ Thiện Tài

XUÂN

Nắng xé mây nhập trần
Vạn vật vui nhú mầm
Hằng hà sa số nở
Trời đất đã là Xuân!

BUÔNG

Chiêu ngậm trà qua sông
Sóng dữ bủa vây lòng
Chân đạp lên dục vọng
Đời vạn sự giai không

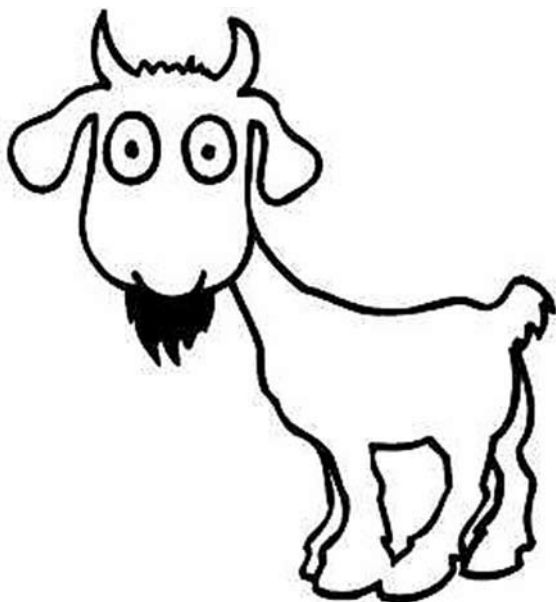
DÊ

Cười dê vượt biển khổ
Be he! rớt sau lưng
Hoa Cung Chúc vừa trở
Hương Tân Xuân thơm lừng!

Lão Dê

Truyện ngắn

CAO THỊ HOÀNG



Lận thể mang dê đem bán chó

Lập danh cõi hạc lại đeo tiền

Nguyễn Bình Khiêm

L Ầ O D Ê

1. Vườn nhà lão cuối chun núi Cẩm, muốn đi vào phải qua mấy cái dốc ngược hả hợng. Ấy vậy, chẳng khi nào vắng khách. Hồi đầu, khách của lão thuộc loại đàn ông đàn bà trung niên, sồn sồn. Về sau, có cả nam thanh nữ tú. Hỏi ra, mới biết lão trị bệnh hiếm muộn, vô sinh; trị yếu sinh lý, rối loạn cương; giúp đấng “nam tử hán” tăng cường bản lĩnh đàn ông, phục vụ quý bà.

Người trong xóm, rành lão sáu câu. Cốt tổ tiên, ông bà của lão không biết ở đâu đến, nhưng lão thì chào đời tại vùng núi đột khởi giữa đồng bằng Nam Bộ, với 37 ngọn lớn nhỏ - trong đó, có 7 ngọn kỳ vĩ và huyền bí, người đời gọi Thất Sơn. Theo lời bà Tám Dậu, tên cúng cơm của lão là Cu. Tía má lão đặt tên xấu cho con, vì sợ đặt tên đẹp thì thần có tha, quỷ ma cũng bắt.

- Cho mấy cái cùi loi!

Tiếng con Hai dứt khoát. Thằng Cu mè nheo không được, mặt tiu ngũ như con mèo ước.

Gió núi từ ngọn Cẩm đổ dồn xuống ruộng rẫy, mang theo cái se se vừa đủ lạnh của ngày cuối năm.

Thừa lúc, con Hai đứng dậy vô nhà lấy đĩa sắp thịt vịt cúng Ông Tà chiều 30 tết, thằng Cu chớp thời cơ, lặn cái đùi vịt xiêm tổ nái, chạy ù ra sau vườn, thót lên chằng ba cây vú sữa. Con Hai la bày hã:

- Má coi nó ăn vụng nè!

Thằng Cu hai chân đu đưa, tay cầm đũa vịt, miệng lêu lêu chị Hai nó.

- Kệ nó con, mình lo cúng kiếng kéo trời chạng vạng.

Từ ngày tía con Hai và thằng Cu bỏ vợ con theo ông Đạo Cóc lên núi Két tu đạo, nhằm tính hơn bốn cái tết bặt tăm bặt tích. Bảy Thôi cắn răng cam phận, dù nhớ chồng cháy ruột cháy gan. Cũng may Bảy Thôi đẻ con gái đầu, từ nhỏ nó đã chịu thương chịu khó đỡ đần công việc với mẹ, hai mẹ con hủ hủ với nhau những lúc vui buồn. Nhiều khi, má con Hai coi nó như bạn. Thằng Cu thì vô tư, hễ đói về ăn, no đông mắt; theo đám bạn phá làng phá xóm, bà con mắng vốn liên tù tì....Bảy Thôi buồn, thương con thiếu cha rồi bỏ qua. Con Hai ngày một nhớn giò, biết mắc cỡ. Nhớ lần đầu có đường kinh, nó từ đĩa ruộng hót hơ hót hã chạy một mạch về nhà ôm chặt má, vừa khóc thút tha thút thít, vừa nói trong nước mắt: Đĩa mền chui vô... “cái” của con, cắn nát hết rồi má ơi! Máu tùm lum tùm la nè! Thương con, Bảy Thôi thấy con gái mình còn khờ dại lắm! Gần đây, nó ư tò mò hỏi má chuyện vợ chồng.

Bảy Thôi kể: “Hồi đó, má ghét tánh dè ‘đạo lộ’ của tía con, ông mần mướn nhỏ, gánh và bỏ mạ công cấy ở nhà thầy Cai Quản, má cấy mướn cho trùm vạ Bầu Đục. Thường thì, chị em cấy hò môi đối đáp với đám trai tráng đi

bạn. Tía con tay rãi mạ, miệng hò:

*“Bươm bươm mà đậu cành bông/ Đã dê con chị, lại
bồng con em!”* (Ca dao)

Tía con hò vừa dứt tiếng, cả cánh đàn ông cười choáng váng cánh đồng. Bọn con gái như má úc lăm, bạn cấy kể bên giục má: “Bảy Thôi, mày đập lại cái thằng cha mắc dịch vừa hò đi chớ?”

Má tăng hăng bắt giọng:

*“Phượng Hoàng đậu nhánh Sa-kê/ Ông thần ông
hồng vật máy thằng dê cho rồi”* (Ca dao)

Như bắt được trớn, mấy chị em nỏ máy hò tới tấp, đập đám mây râu một trận toi bời cho biết tay gái Tịnh Biên:

*“Dê xôm ăn lá khổ qua/ Ăn nhâm sâu rọm, chết cha
dê xôm”*. (Ca dao)

*“Con người Bùi Kiệm máu dê/ Ngồi chai bộ mặt như
giẻ thịt trâu.* (Đồ Chiểu)

*Ong non chứa nọc châm hoa rữa/ Dê cón buồn sừng
húc dậu thưa”* (Hồ Xuân Hương)

Khi ngẩn mặt nhìn lên, cánh đàn ông rút êm, chạy mất dấu! Sau mùa cấy năm đó, tía con cấy người mai mối, má về mần vợ tía con. Đúng là, ghét của nào trời trao của ấy.

Rồi trời không thương gia đình Bảy Thôi. Con Hai thuốc men gì cũng không hết chứng ớn ớn, lạnh lạnh mỗi buổi chiều, khi ló qua tuổi 17. Lối xóm xóm nhau chẩn đoán và ai cũng nói nó bị mắc đàng dưới. Bảy Thôi đi thỉnh Pháp

su ở Tà Lon về bắt ma quỷ cứu con. Pháp Sư buộc gia chủ vừng vách làm buồng riêng để Pháp sư trục quỷ ra khỏi thân thể con Hai trong vòng 7 ngày đêm, gọi là phép “*Truyền âm dương nhập thất công*”. Trong 7 ngày đêm đó, con Hai phải tự nguyện trần truồng, vì còn bất cứ một mảnh vải nào che thân - dù nhỏ xíu, cũng tạo chỗ dựa cho ma quỷ bám không rút ra khỏi da thịt. Con bệnh thật thành tâm và tuyệt đối ngoan ngoãn làm theo lời thầy dạy. Cấm mọi người hỏi han dòm ngó, cấm lai vãng đến gần buồng nghe ngóng. Cơm nước hàng ngày, gia chủ để trước cửa buồng, Pháp sư và con Hai tự độ. Nghĩ đến sống chết của con, Bảy Thôi răm rắp làm theo mọi yêu cầu của Pháp sư.

Nửa đêm thứ năm của rạng ngày thứ sáu, Bảy Thôi kèm không nổi sự bồn chồn lo lắng cho con, tay lần vách, chân rón rén đến mép cửa buồng lắng tai rình nghe động tịnh. Không gian tĩnh mịch và thanh vắng của nhà quê, những thanh nẹp giường làm bằng tre cạ miết vào nhau bật thành tiếng kêu cò ke, cọt két rõ nồm nộ. Tiếng rên âm ước của con Hai, tiếng thúc như tiếng nhịp dùi trống lẫn cùng hơi thở hỗn hển của Pháp sư, mái lá lợp buồng rung bần bật.

Mình máy Bảy Thôi nóng rang, rịn mồ hôi. Con Hai có chuyện rồi chẳng? Sao âm thanh từ trong buồng phát ra, chẳng khác âm thanh lúc mình ăn ở với tía nó. Có khi, còn dữ dội hơn gấp bội lần. Bảy Thôi định đập cửa nhảy vào coi

chuyện gì xảy ra với con Hai. Hú hồn! Bảy Thôi kịp bấm bụng dừng lại và kịp suy nghĩ: *Có tin mới tỉnh, tỉnh rồi sao nghi? Rủi thầy đang ra sức bình sinh vật lộn, trục yêu tà rời khỏi da thịt con Hai, mình “nhìn gà hóa cuốc”, háp tấp nhảy vào phá đám, chẳng khác gì giúp ma quỷ hại thầy và giết con ?*

Nghĩ sao tin vậy, Bảy Thôi vừa an lòng, vừa vui. Bầu trời đầy sao. Bảy Thôi rùng mình xên lên và mắc cỡ với chính mình. Rồi tự dung, từ vô thức nào đó khiến tay Bảy Thôi sờ mó thân mình...và hình như cũng ... mà phải rồi, nhiều năm chông vắng, ngõ lòng nguội lạnh, đã quên. Không ngờ, những tiếng động quỷ quái ấy, kích thích dục vọng thức dậy trong một tâm thể diệu kỳ.

Bảy Thôi giật mình, ngồi bật dậy như lò xo khi có người lay đầu võng.

- Uả! Thầy đi đâu giờ này? Trời chưa tới canh tư!

Pháp sư đầu quấn khăn màu cứt ngựa, vai mang nải, tay ôm cái hũ bịt vải đỏ, nói gấp gáp:

- Thầy phải rời khỏi đây trước khi trời rạng sáng.

Bảy Thôi thắc mắc và thiệt thà:

- Còn một ngày, một đêm nữa mới xong pháp thuật “*Truyền âm dương nhập thất công*” mà thầy? Và lại, thầy đi nửa đêm nửa hôm, tui đâu có đủ tiền trả.

Cặp mắt Pháp Sư ngó láo liêng, giải thích:

- Thầy vừa tóm gọn bọn Ngũ quỷ đực tu trong “động

hoa xanh” ở đảo Hải Tặc trong vịnh Xiêm La. Thầy đang nhốt chúng trong hũ “hồ lô rị”, đem về am chậm trễ chúng hồi sức thoát ra, cả xóm này chết chóc.

Dứt lời, như thể chứng minh lời nói, Pháp sư bước tới gần Bảy Thôi, mùi thúi phát tác nghẹt thở, tay lắc “hồ lô rị” âm thanh “lục cục lạc cạc” vọng ra, làm Bảy Thôi sợ rợn tóc gáy, nổi da gà. Chỉ đợi có thế, Pháp Sư bắm lóng tay và căn dặn:

- Từ giờ đến đầu giờ Mùi, không ai được vào buồng con nữ. Đến giờ Mùi, nghĩa là 1 giờ trưa tới 3 giờ chiều, thí chủ vào buồng một mình tắm rửa và chăm sóc con. *Thủ khẩu như bình*, miệng kín như miệng bình, nín lặng không nói lời nào, mặc ai có hỏi. Nếu cãi, con nữ sẽ chết. Còn tiền nong, để đó. Lúc rảnh, thầy ghé lấy. Nói xong, Pháp Sư vừa đi, vừa chạy ra ngõ như ma đuổi.

Con Hai ngày càng ốm yếu, xanh xao và tiêu tụy; người ngơ ngợ, ngáo ngáo như mất hồn; miệng nín thinh không nói, đôi mắt chòm lơ cứ nhìn trăng trăng lên trời. Tình dịch trong mình con Hai cứ ra rỉ ướt quần, dính giường chiếu...Đêm thân thể co giật động kinh, mê sảng. Nửa tháng sau, con Hai chết!

Người cao niên trong làng khi biết chuyện, ai nấy đều tặc lưỡi than trời: Con Hai gái trinh, bị thằng thầy pháp hút hết tinh lực để luyện “*Thiên linh cái*”, con nhỏ kiệt sức mần sao sống nổi. Bảy Thôi phát điên vì thương con và hận

mình cả tin. Đêm đêm đi lang thang, sập hầm bẫy thú đâm bẫy mình, chết tốt!

Cái chết bi thảm và hãi hùng của má con Bảy Thôi đã thức tỉnh những ai còn mê tín, dị đoan, tin vào sự huyền hoặc của bọ lừa đảo. Bà con xóm dưới chum núi Cẩm uất ức, kéo nhau đến am Pháp sư ở Tà Lon để mần cho ra chuyện. Đến nơi, người sở tại bảo: “*Pháp Sư tự đốt am, rồi bỏ đi đâu không rõ!*”

* * *

2. Sau khi má và chị mất, thằng Cu lên núi tầm sư học đạo và chặn giữ dê mướn cho gia đình Hương giáo Tường. Những lão tiêu phu, bạn bè trang lứa, người lớn kẻ nhỏ bất kể, mỗi lần kêu tên thằng Cu đều bụm miệng cười. Đàn bà, con gái; lớn nhỏ bất phân thì chẳng bao giờ dám hé môi kêu tên thằng Cu mà chỉ gọi trống: “*Ê nhỏ, ê mày, thằng mắc dịch...*”

Nhiều lần, thằng Cu tính đổi tên cho đẹp đẽ với người ta. Tính vậy thôi, chứ khi chuẩn bị đổi, nó lại không muốn. Nó tiếc cái tên của tía má đặt cho, nó nuôi cái âm thanh Cu nghe thân quen, triu mến. Rồi nó tự nghĩ, kẻ dám liệng cái tên thật để lấy cái tên giả, thì chuyện gì kẻ đó chẳng dám liệng.

Suốt ngày, thằng Cu theo bầy dê rong chơi trong núi, tối về nhà Hương giáo Tường ăn vội ba hột cơm, lượm vài cái chữ do Hương giáo tận tâm kèm dạy. Lân hồi, nó bập

bị đánh vắn xuôi, vắn ngược và đọc được chữ in trong nhứt trình do cô Ba - con gái Hương giáo, đang theo học bậc tiểu học trường tỉnh Châu Đốc cầm về mỗi chiều thứ bảy.

Nắng miệt rừng đẻ trứng đầy trên vách đá, thằng Cu để bầy dê tự do đi kiếm ăn, không bị buộc ràng bởi quy định khu vực; còn nó nằm bật ngựa gồi đầu lên rễ gốc Bằng Lăng Ôi đếm trứng giết thời giờ. Rừng buổi trưa im ắng thanh bình, thỉnh thoảng nghe tiếng xào xạc mỗi khi gió thổi lòn qua nách lá. Thằng Cu nhớ má nhớ chị. Nhớ nhất là câu nói gần như câu thiệu của chị Hai: *“Cái cù loi”*. Bao lần nó thiết tha hỏi chị *“Cái cù loi”* là cái gì? Chị Hai thường trả lời cộc lốc: *“Tao hông biết!”*. Nó cũng chẳng vừa gì: *“Hông biết, sao chị nói?”*. *“Tao nghe con nhỏ bạn nói, tau nói theo. Mày con nít, hỏi chi?”*.

Nói xong, chị Hai đỏ mặt. Nó nhớ má lạ lùng, nó hồi hận đã làm má buồn nó nhiều hơn vui. Má và chị Hai hiền hậu, chất phát; chưa dám nghĩ - chứ đừng nói làm một điều nhỏ nhặt mà trái đạo. Sao chịu phạt đời thê lương, nghiệt ngã thế? Phải chăng người vô tội là người gánh khổ? Hồi còn sống, má thường nhỏ to với nó: *“Dạo tía mày còn ở nhà, ổng ghét nhất đứa nào ‘cà kê dê ngỗng’*. Vì, đứa *‘cà kê dê ngỗng’* chẳng có nghề ngỗng gì. Đứa chẳng có nghề ngỗng gì, thì không có lao động, không có lao động thì thiếu trí khôn, thiếu trí khôn thì khó có thể là người. Không những biết sợ mà còn phải tránh thật xa, kẻ chịu bao cấp

trí khôn và kẻ không làm vẫn có ăn; thậm chí ăn thừa mứa, ăn ngập mặt...Tau nhớ thuộc lòng câu thiệu của ông dạy: ‘Giàu nuôi chó, khó nuôi dê, không nghề nuôi ngỗng’. Sau này, lớn lên con nhớ lấy!’

Thời gian càng trôi nhanh, thằng Cu càng lớn nhanh như thổi. Thân thể nở nang cường tráng, một chàng trai đúng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Nhưng, lòng nó vẫn buồn rười rượi, vì đã bao bầy dê Hương giáo gả, nó vẫn chưa có nghề ngỗng. Ai dạy để có nghề ngỗng? Chẳng lẽ, suốt đời giữ dê mướn? Mai kia một nọ, Hương giáo rã nuôi dê, lấy gì mà giữ? Mỗi khi bối rối, nó lại nhớ lời má dặn: *“Nhất nghệ tinh nhất thân vinh, hãy tự cứu trời sẽ cứu...Tìm chi cái ngôn ngữ sang, cái cao siêu viễn vông; chi bằng tìm cái ngôn ngữ bình dị, cái gần gũi đời thường để sống và biết sống”*. Thằng Cu thấy nó như vừa được khai tâm, phát huệ nhận ra cái *“tâm linh cục đá”*. Bởi *“cục đá núi”*, cũng có thể thành *“Ông Tà”* hiển linh đối với mỗi gia đình sống quanh vùng Thất Sơn huyền bí.

Vợ chồng Hương giáo Tường hiểu và thương hoàn cảnh, tính nết thằng Cu nên chưa bao giờ coi nó như người ở bạn. Ông cố dạy chữ cho nó biết đọc biết viết, làm vốn hiểu biết sau này. Được cái nó sáng dạ, cần cù, ông hy vọng không uổng công. Một hôm, thằng Cu xin phép gặp riêng ông để thưa chuyện. Ông ngồi suốt mấy tiếng đồng hồ, chăm chú lắng nghe thằng Cu trút cạn những suy nghĩ,

những ham muốn học một cái nghề lương thiện để mai sau giúp người. Khi nó dứt lời, ông nói chậm rãi:

- Con muốn khởi nghiệp từ đục tính của loài dê? Một ý tưởng táo bạo và độc đáo. Có lẽ, cái tên của con nó ứng với cái nghiệp ái dục, mang một sứ mệnh cực kỳ quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển nòi giống của muôn loài. Nhiều năm con giữ dê, theo dê, nhìn ngắm dê giao phối, làm tình với một sức mạnh “khủng và không thể tưởng” của dê đực. Và, con đã phát hiện cũng như giải đáp được một phần, vì sao dê đực có sức mạnh ấy? Con đã nắm điều kiện cần và đủ để thực hiện ước mơ. Thầy chỉ muốn nhắc con, làm cái nghề chữa trị yếu sinh lý, hiếm muộn con, rồi loạn cương...liên quan đến bộ phận sinh dục người, dễ trở thành dê, dễ mang tiếng thị phi. Tâm cảnh khác nhau vì trình độ hiểu biết khác nhau.

Hương giáo ngừng nói, vẫn thuốc hút. Thăng Cu xách bình châm thêm trà. Hương giáo nói tiếp:

- Trình độ của con không thể biết tích xưa chuyện cũ, đông tây kim cổ. Nhưng không có nghĩa là khi con nghe kể, con không hiểu gì hết. Cái hiểu dù hạn chế, chính là tri thức ở mỗi con người mà Thượng Đế ban cho. **Con dê biểu tượng dục vọng.** Trong tranh vẽ Lão Tử cỡi trâu xanh qua cửa Hàm Cốc để về cố hương nước Tần. Nếu thầy vẽ, thầy sẽ vẽ Lão Tử cỡi dê, mà có thể nhiều người nhà quê xứ mình thích Lão Tử cỡi dê hơn cỡi trâu xanh.

Thằng Cu nghe điều mới lạ thích lắm, quên giữ lễ, chồm tới hỏi:

- Tại sao thầy?

- Như thầy đã nói, con dê biểu tượng dục vọng, Lão Tử cỡi lên lưng con dê, là Lão Tử cỡi lên cái dục vọng.

Hương giáo nhìn thằng Cu, chột nói như căn dặn:

- Con chọn cái nghề đa phần ai cũng cần kíp, nhưng đa phần ai cũng giầu giầu, giếm giếm...thập thò, thì con phải đủ bản lĩnh cỡi lên dục vọng. Bằng không, họa liền với phúc khó lường!

Đêm ấy, thằng Cu trần trọc không sao ngủ được. Ở đời, đôi khi cái vui của người này là cái buồn của người khác. Lão Pháp sư được cái trình tiết của chị Hai, thì má và chị Hai mất mạng. Kê dư của ăn của để, thì người khác gánh thiếu trước hụt sau. Mình theo chân dê đực, coi chúng ăn cây lá gì mạnh sinh lực tình dục, mình sẽ dùng cây lá ấy giúp những ai cần “bản lĩnh đàn ông”, giúp nam nữ giải quyết những vấn đề phòng the khó nói.

Thằng Cu rời khỏi nhà Hương giáo, trở về căn nhà cũ của tía má ở xóm chun núi Cẩm. Nó bắt đầu đi hái “*cây cỏ dê*” khắp vùng núi Thất Sơn đem về bào chế thuốc. Nó chỉ dẫn từng nhà trong xóm nhận mặt “*cây cỏ dê*” lá to, lá mác, lá hình tim...tất cả 15 loại, bất cứ dê đực nào cũng tìm ăn.

Thời cuộc ngày một xoay chuyển, Nhật đảo chính Pháp. Việt Minh nổi dậy và chiến tranh chống thực dân

Pháp lan khắp Nam Bộ. Vùng núi Thất Sơn trở thành cứ địa của kháng chiến. Thăng Cu cũng như bao thanh niên thời đó, nấp với giáo lên vai ra sa trường diệt thù cứu nước.

Xong việc làng nước, thăng Cu về xóm cũ thì tóc xanh xưa giờ đã muối sương. Người trong xóm gọi ông bằng Lão Dê, ông khoái chí tử. Thiên hạ biết ông, nể phục ông với ngón nghề mát tay trị bệnh liên quan đến thầy - thay vì gọi dê. Tiếng lành đồn xa, ông bắt đầu nổi tiếng vì trị nhiều người có kết quả ngoài mong muốn. Nhất là bệnh cảnh âm hư: Người gầy, về chiều thường eng eng sốt nhẹ, lòng tay chân nóng, môi khô họng khát, ngực bồn chồn không yên. Ngoài ra, ông dùng cây cỏ dê sao tẩm với *Tiêu mao, Ba kích, Nhục thung dung, Cao lương khương, sinh khương, Tử thạch anh...* thành toa thuốc “*Anh ấy tuyệt vời*” giúp những ai muốn thăng hoa tới bến.

Tâm đắc lời răn của cụ Nguyễn Bình Khiêm, nhớ lời dạy của Hương giáo, Lão Dê quyết sống xứng đáng đưa con Thất Sơn. Dù bây giờ lão đã ra người thiên cổ, nhưng câu nói của lão lúc trà dư tửu hậu vẫn còn lưu lại xóm chum núi Cấm: “*Lão Dê, không dê mới gọi Lão Dê!*”

CAO THỊ HOÀNG

(Viết theo lời kể của cụ ông

Đặng Trung Tâm, từng sống ở Nam Thái Sơn)

Trang thơ **NGUYỄN PHI NGUYỄN**

Nguyễn Phi Nguyễn sinh tại Điện Phong, Điện Bàn, Quảng Nam. Có thơ đăng trên nhiều báo chương, tạp chí, tuyển tập..Tác phẩm thơ đã xuất bản:

* TIẾNG HÁT DÒNG SÔNG - NXB Văn Nghệ 1993.

*SÔNG ƠI và THƠ ƠI - NXB Văn Học 2013.



ĐÔI MẮT MÙA XUÂN

Ơi, trên nền trời có những vì sao lung linh
đó là đôi mắt em

Buổi chiều chiều mọc nghiêng nghiêng
soi qua miền anh đứng

Nụ tình buồn nở vội trên môi anh rồi chợt biến

Như bóng mây hồng chiều sương tan theo khói bay

Như nỗi đời phiêu bạt mà tuổi xanh anh đã mang đi
chôn vào hư ảo

Và như những tháng ngày hiện tại vẫn kế tiếp nhau
mang hoài làm lỗi

Không hái cho em được nụ hoa hồng

Mà những chiều chiều, anh mang mớ hoa vàng hiu hắt
đem trải trên lối đi

Nào biết có em qua!

Nhớ về một mùa xuân

Khi ánh mặt trời vừa trải hồng lên vạn vật

Những đóa hoa tinh khôi lung linh hồng thắm bầu trời

Anh mang phần bướm đa tình lượn trên vườn xuân thắm

Và đêm đêm anh nhìn ánh sao trời để nhớ về đôi mắt em
Như một thoáng chiêm bao
Anh trôi qua miền không gian âm u vời vợi
Ngoảnh lại nhìn mình-mộng bạc tóc thu phai
Để chiều chiều nhớ em, anh ra đứng chờ
sao-trên-triều-gió-cuốn
Có những lúc tình cờ, anh nhận lạc hướng sao xa
Và hồn anh cũng cuốn theo chiều gió cuốn
Nên thắm lặng mang về ấp ủ một cành hoa.

BÊN CẦU SƯƠNG CHIÊM BAO

Em về chi giữa cơn mơ
Đem theo trăng lạnh sao mờ lệ sương?!
Hoa ngâu rụng cánh vô thường
Dưới dòng nước cũng thể lương đôi bờ
Ngập ngừng trôi với ngần ngợ
Cuốn theo dấu tích bụi mờ thể nhân
Bên cầu ta luống băng khuâng
Thương em với nỗi ngại ngần áo hoa
Trăm năm nào khỏi chia xa
Thôi em hãy bước mà qua bên bờ
Tạ lòng, đây một câu thơ
Hoàng hoa một đóa trăng mờ nửa gương
Nắm tay hát khúc đoạn trường
Đưa em giả biệt – cầu sương ta về.

Lê Mai Trinh

YÊU

Sáng nay trời nắng mới
Tình yêu thơm mùa Xuân
Em yêu anh ngây ngất
Như mây yêu gió ngàn
Yêu như suối sâu thẳm
Như hơi thở sau cùng
Như ngày mai xa cách
Như tan vào hư không !
Như đến ngày tận thế
Yêu sao nói nên lời ?
Yêu anh... yêu lắm lắm
Biết nói gì anh ơi!

Đừng chọn lựa

OSHO



Bạn bao giờ cũng chọn lựa: bạn chọn cái đẹp và cái xấu trở thành cái bóng của bạn; bạn chọn tính tôn giáo và tính phi tôn giáo trở thành cái bóng của bạn; bạn chọn là thánh thiện và tội lỗi trở thành cái bóng của bạn...

Chọn – và bạn sẽ trong khó khăn, bởi vì chính việc chọn đó đã phân chia cuộc sống. Đừng chọn, vô chọn lựa, để cho cuộc sống tuôn chảy. Đôi khi nó có vẻ giống Thượng đế, đôi khi nó có vẻ giống quỷ – cả hai đều đẹp. Đừng chọn. Đừng cố gắng là thánh nhân, bằng không tính thánh thiện của bạn sẽ không thực là thánh thiện – tự hào trong nó sẽ làm mọi sự thành xấu.

Điều đó dường như đơn giản vậy mà lại là điều khó nhất, bởi vì tâm trí bao giờ cũng muốn chọn lựa. Tâm trí sống qua chọn lựa. Nếu bạn không chọn lựa, tâm trí bị loại bỏ. Đây là cách thức của Lão Tử. Làm sao loại bỏ tâm trí? Đừng chọn lựa! Đó là lí do tại sao ông ấy lại chưa bao giờ mô tả bất kì cách thiên nào, bởi vì không có nhu cầu về bất kì cách thiên nào.

Luật đó được gọi là Đạo.

Nếu bạn cố gắng thắng lợi thì bạn sẽ bị thất bại. Hỏi tất cả: Alexanders, Napoleons và Hitlers: nếu bạn cố gắng được thắng lợi thì bạn sẽ bị thất bại. Lão Tử nói: Đừng cố gắng được thắng lợi, thế thì không ai có thể đánh bại được bạn. Logic rất tinh vi, logic của bản thân cuộc sống: không đòi hỏi, và việc đòi hỏi của bạn được hoàn toàn đáp ứng; không cố gắng được thắng lợi, và thắng lợi của bạn là tuyệt đối; không cố gắng, và tất cả những gì bạn có thể cố gắng, sẽ tự nó tới với bạn, theo cách riêng của nó.

Người không đòi hỏi điều gì, người không cố gắng để thành công theo bất kì cách nào, người không nỗ lực để bất kì tham vọng nào được hoàn thành, bỗng nhiên thấy rằng tất cả mọi việc đều được hoàn thành – bản thân cuộc sống tới người đó để chia sẻ các bí mật của nó, để chia sẻ giàu có của nó. Bởi vì một người vẫn còn không đòi hỏi thì trở thành trống rỗng; trong trống rỗng đó cuộc sống cứ đổ các bí mật và giàu có của nó ra.

Cuộc sống ghét chân không. Nếu bạn trở thành trống rỗng, mọi thứ sẽ tới theo cách của riêng nó. Cố gắng, bạn sẽ thất bại; không cố gắng, thành công là tuyệt đối chắc chắn. Tôi không nói rằng nếu bạn muốn thành công thì đừng cố gắng – không, tôi không nói điều đó. Nó không phải là kết quả, nó là hậu quả. Và bạn phải hiểu khác biệt giữa kết quả và hậu quả. Khi bạn nghe Lão Tử hay nghe tôi, tất nhiên bạn

“Năm màu khiến người mù mắt. Năm giọng khiến người điếc tai. Năm mùi khiến người tê lưỡi. Ruổi rong săn bắn, khiến lòng người hóa cuồng. Cửa cải khó được, khiến người bị tai hại”.

(Đạo Đức kinh - Lão Tử)

hiểu logic là nếu bạn cố gắng để được thành công, thì bạn sẽ bị thất bại bởi vì có cả triệu kẻ cạnh tranh. Làm sao bạn có thể thành công trong thế giới cạnh tranh này? Không ai đã từng thành công cả. Mọi người đều thất bại. Và mọi người thất bại hoàn toàn, không có ngoại lệ.

Và thế rồi Lão Tử nói rằng nếu bạn không cố gắng để thành công, bạn sẽ thành công. Tâm trí bạn trở nên tham lam, và tâm trí bạn nói: Điều đó là phải rồi! Vậy đây là cách để thành công! Mình sẽ không đòi hỏi, mình sẽ không tham vọng để cho tham vọng của mình có thể được hoàn thành. Bây giờ điều này lại đang đòi hỏi một kết quả. Bạn vẫn còn như cũ – bạn đã bỏ lỡ Lão Tử hoàn toàn.

Lão Tử đang nói rằng nếu bạn không có bất kì đòi hỏi nào, không kể công gì, danh vọng, tên tuổi, thành công, tham vọng, thế thì xem như thành công có đó, thắng lợi có đó. Toàn thể sự tồn tại dồn vào cái trống rỗng của bạn; bạn được hoàn thành.

Khi bạn thậm chí không nghĩ về nó, không có ham muốn, không suy nghĩ về nó. Luật đó được gọi là Đạo.

(Nguồn: Trung tâm Hộ Tông)

TRANG THƠ THÀNH NGỌC



Tên thật : Trương Văn Ngọc. Sinh ngày: 09/01/1968

Quê quán : Quảng Phước-Quảng Điền - Thừa Thiên Huế

Thường trú tại 79 ấp Ông Chài- xã Cây Trường – Bàu

Bàng- Bình Dương. Làm thơ từ năm 1982, viết báo từ

năm 1989. CTV báo Giác Ngộ TP.HCM, Tạp Chí Nhân

Đạo. Học Khoa Văn Đại Học Tổng Hợp TP.HCM 1987-

1991. Học viên K11 VHVL Khoa Báo Chí và Truyền Thông

– Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn

Sắp xuất bản tập thơ “ Một Tấm Lòng” (NXB VHVN TPHCM)

Email: thanhngoc91xhvn@gmail.com. ĐT: 0127.2288.777

TÌM VỀ CHÂN TÂM

(Tặng Phan Cát Tường)

Chân tâm tìm lại đường về
Nhân gian chìm nổi ê chề thị phi
Tây phương thấp sáng lương tri
Quan Âm Bồ Tát từ bi độ đời...

Thăng trầm cung bậc muôn nơi
Long Hoa mở hội nụ cười an nhiên
Cát tường thanh thoát hương thiền
Sáng mai thức dậy còn nguyên tấm lòng

Hoa sen chín phẩm mênh mông
Cố - không , được - mất qua sông bỏ thuyền
Vô bờ thập nhị nhân duyên
A-Di-Đà -Phật! ...đợi miền hóa thân...

ĐƯỜNG VỀ TÂY TRÚC

(Xem Tây Du Ký)

Đường về Tây Trúc đâu xa lắm
Thầy hỏi, đệ ơi ! chớ nản lòng
Mấy chục mùa trăng, ai rờng rã
Cười ngựa về Tây đón Xuân nồng...

TUỆ NHÃN

Dùng tuệ nhãn mà soi
Thấy tất cả như mình
Nhất – nhất tâm niệm Phật
Để hóa độ chúng sinh...

PHAN CÁT TƯỜNG

TỬ TUYỆT TÌNH NHƯ

PHÙ DU

Lời kinh vang vọng sớm chiều
Đời trôi khép lại bao nhiêu oan cừu
Tôi xin làm cánh phù du
Một ngày cũng đủ thiên thu phận người.

ĐOẠN TUYỆT

Khoanh tay ngủ dưới cội tùng
Giữa khuya tỉnh giấc, nhớ nhung cuộc đời
Thôi xin đoạn tuyệt cuộc chơi
Để tôi yên nghỉ dưới trời trăng sao...

NGUYỆN

Xin làm kẻ lang thang phố chợ
Hát tặng người những tình khúc rong rêu
Đếm thu sang khi lá đổ muôn chiều
Tôi nguyện sống và yêu em như thế!

NHƯ LAI

Tôi vất vả mò trăng đáy nước
Tìm Như Lai trong bể bọt mồi chuông
Rồi một bữa em qua, tôi chợt tỉnh
Như Lai về giữa hương tóc em bay.

Nét Xuân trong
Truyện Kiều

NGUYỄN ĐỨC TỐ



“Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn”.

PHẠM QUỲNH

NÉT XUÂN TRONG TRUYỆN KIỀU

Đại thi hào Nguyễn Du, một bậc tài hoa, người học sâu hiểu rộng, am tường cả, Phật, Nho, Lão, từng sống tại đất đế đô “nghìn năm văn vật”. Từ một tác phẩm văn xuôi của Thanh Tâm Tài Nhân là “Kim Vân Kiều truyện”, Nguyễn Du đã viết nên thi phẩm “Đoạn Trường Tân Thanh” tức truyện Kiều, gồm 3.254 câu thơ. Đây là một kiệt tác văn chương trong nền thi ca Việt Nam. Truyện Kiều đã được nổi tiếng trong và ngoài nước, được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Nhiều nhà nghiên cứu, phê bình đã phân tích, đánh giá cặn kẽ từng câu, từng chữ về sự phong phú, đa dạng, cách dùng từ ngữ trong thơ.

Vì sự đa dạng đó mà nhân dịp Xuân về, ta chỉ tìm hiểu về nét Xuân trong truyện Kiều của Nguyễn Du. Với câu thơ:

Mùa xuân con én đưa thoi

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi

Nguyễn Du đã mở ra một không gian hữu sắc, hữu hương, hữu tình. Giữa bầu trời bao la là những cánh én chao lượn như những chiếc thoi trên khung cửi. Hình ảnh con én đưa thoi gợi lên bước đi của mùa xuân như trong cách nói của dân gian: “Thời giờ thấm thoát thoi đưa. Hết mưa lại nắng hết ngày lại đêm”. Hai chữ “thiều quang” gợi lên màu hồng của ánh xuân, cái ấm áp của khí xuân, cái mênh mông

bao la của đất trời, để biết rằng: “*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi*”.

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Giữa mênh mông bát ngát, là sắc xanh mon mơn của cỏ non trải dài đến tận chân trời, bên cạnh là sắc trắng tinh khôi của hoa lê nở lác đác trên cành, chỉ mới hé khoe sắc khoe hương. Những bông hoa lê nở muộn như đem vào bức tranh xuân màu sắc tinh khôi mới mẻ và đầy sức sống. Không gian tràn ngập ánh thiều quang rọi chiếu lên toàn cảnh vật. Nắng mùa xuân có nét riêng: không oi bức như mùa hè, không dịu buồn như mùa thu mà lại tạo nên một cảnh sắc tươi vui trong nồng ấm của ngày đầu năm. Nguyễn Du đã vận dụng một cách sáng tạo cổ thi Trung hoa : “*Phương thảo liên thiên bích. Lê chi số điểm hoa*” (*Cỏ thơm liền với trời xanh/Trên cành lê có mấy bông hoa*). Nguyễn Du vận dụng sáng tạo khi thêm màu trắng vào câu thơ, cả một không gian xuân hiện lên khoáng đạt, trong trẻo, màu sắc hài hoà đến mức tuyệt diệu. Dùng hai chữ “trắng điểm” là cách chấm phá điểm xuyết của thi pháp cổ, gọi lên vẻ đẹp thanh xuân tinh trắng của hoa cỏ. Trên cái nền xanh của cỏ non là một vài bông lê trắng điểm. Người họa sĩ tài ba đã pha trộn nền xanh và sắc trắng của cảnh vật mùa xuân với những cánh én đưa thoi, trong màu hồng của ánh thiều quang.

Tiết Thanh Minh vào đầu tháng ba, khí trời mát mẻ, trong trẻo, người người quét dọn sửa sang và lễ bái khẩn nguyện trước phần mộ người thân. Câu thơ “*Lễ là Tảo mộ, hội là Đạp thanh*” gợi ấn tượng về sự diễn ra liên tiếp các lễ hội nhân gian, niềm vui nối tiếp niềm vui trong những ngày xuân. Không khí lễ hội hiện ra thật sinh động, trong từng dòng thơ giàu hình ảnh và nhạc điệu:

Gần xa nô nức yến anh

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân

Đạp diu tài tử giai nhân

Ngựa xe như nước áo quần như niêm.

Không khí lễ hội rộn ràng, những ẩn dụ so sánh: nô nức yến anh, ngựa xe như nước, áo quần như niêm gợi lên hình ảnh những đoàn người du xuân như chim oanh, chim yến bay ríu rít. Lễ hội mùa xuân tấp nập, nhộn nhịp bởi nam thanh nữ tú, tài tử giai nhân từ khắp nơi không ngớt kéo về.

Trong đám tài tử giai nhân gần xa ấy có ba chị em Thuý Kiều. Câu thơ “*Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân*” ẩn chứa khao khát: Trông chờ mong đợi ngày hội “Đạp thanh” đến để du xuân trong những bộ quần áo đẹp đẽ, thanh lịch, dạo chơi trên cỏ xanh, hoà trong không khí lễ hội mùa Xuân.

Với 3254 câu thơ lục bát, đã có đến 59 từ xuân và mỗi từ Xuân lại là mỗi nghĩa khác nhau. Nếu trong “*Ngày*

Xuân con én đưa thoi” là một bức tranh tả cảnh mùa xuân, thì trong “*Ngày xuân em hãy còn dài*”, chữ Xuân ở đây lại chỉ về tuổi trẻ. Trong câu “*Bốn bề xuân toả có nàng ở trong*” thì Xuân lại trở thành cái khoá xuân, là nơi giam giữ người con gái đẹp. Trong tác phẩm *Kiều*, Nguyễn Du đã dùng mười lần từ “Xuân” kết hợp với một yếu tố khác để chỉ đáng sinh thành như: “*Xuân đường kíp gọi Sinh về hộ tang*” hay “*Cõi xuân tuổi hạc càng cao*” hoặc “*Xuân huyên chợt tỉnh giấc nông*”. Ngoài ra Nguyễn Du còn dùng từ “Xuân” để chỉ những sự việc, sự vật tươi đẹp tốt lành như “*Xuân lan, thu cúc mặn mà cả hai*” hay “*Xuân đình thoắt đã dạo ra cao đình*” hoặc “*Vương, Kim cùng chiếm bảng Xuân một ngày*”. Không thể phủ nhận chính Nguyễn Du là người có công khai thác và sử dụng thuần thực kho từ vựng tiếng Việt và đây cũng chính là một trong những yếu tố làm nên một “*Truyện Kiều bất hủ*”.

Trong văn chương Đông, Tây kim cổ, vẻ đẹp tràn đầy sức sống của mùa xuân đã trở thành nguồn thi hứng bất tận cho các thi sĩ làm thơ ca ngợi. Biết bao bức tranh phong cảnh thiên nhiên mùa xuân được vẽ nên bằng những ngôn từ tuyệt tác làm rung động hồn người. Với Nguyễn Du, bút pháp miêu tả bức tranh Xuân đã đạt đến mức thần diệu. Con mắt quan sát, ngòi bút, tài hoa, dự kết hợp hài hoà giữa màu sắc, đường nét, hương thơm thấm đẫm bầu trời, mặt đất, thấm đẫm cả hồn người tạo một cảm giác lâng lâng sản

Mai ta về nẻo luân hồi
Chờ ta đến đó nói lời thiên thu
Hẹn đầu thai hóa kiếp tu
Gặp nhau giữa chốn phù du vô thường.
PHẠM ĐÔNG HOÀNG

khoái cho người đọc khi tiếp cận với mùa xuân của Nguyễn Du qua tác phẩm Kim Vân Kiều.

Nguyễn Du đã không tiên đoán được giá trị của tác phẩm “*Đoạn trường tân thanh*” của mình đã ảnh hưởng sâu rộng đến nền thi ca của nước nhà, một tuyệt phẩm vô giá cho hậu thế, nên đã viết:

*Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*

Đâu biết rằng, các thế hệ hôm nay, không những chỉ “khấp Tố Như” mà còn đánh giá tích cực tác phẩm của đại thi hào Nguyễn Du qua nhận định của học giả Phạm Quỳnh: **“Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn”**.

Mùa Xuân và Phật Di Lặc

NGUYỄN DƯ



Một năm được khởi đầu với mùa Xuân, thời khắc đầu tiên của tháng giêng là Giao thừa, là giờ phút mà Phật tử kỷ niệm đản sanh của đức Phật đương lai thị hiện. Thế nên, mùa Xuân và hình ảnh của đức Di Lặc là biểu tượng niềm tin và hy vọng khởi đầu cho một năm hạnh phúc và an lạc cho mọi người.

Trong tiếng Phạn, Di Lặc được gọi là Metteya, dịch ra tiếng Hán là Từ Thị, mang ý nghĩa tâm “từ” trong đó. Tâm từ là một trong “tứ vô lượng tâm” tức TỪ-BI-HỠ-XẢ. Từ là tình thương bao la tự nhiên, Bi là thông cảm và chia sẻ nỗi khổ của người, Hỷ là vui với cái vui của người, Xả là không chấp trước, không nắm giữ. Bốn tâm này như dòng suối mát làm trôi đi những chướng ngại, đau buồn, sân hận, đem lại sự an ủi cho mọi người.

Hình ảnh Đức Phật Di Lặc miệng luôn mỉm cười hoan hỉ và bụng lại chắt chứa tấm lòng bao dung độ lượng với mọi người qua câu:

*Đại đố năng dung, dung thế gian nan dung chi sự
Hàm nhan vi tiểu, tiểu thế gian nan tiểu chi nhân*

(Cái bụng lớn có thể dung chứa những việc mà người đời không thể dung chứa được - Miệng nở nụ cười mỉm với những điều mà người đời khó có thể mỉm cười được)

Đó cũng là khát vọng của mọi người con Phật trong cuộc sống đời thường. Bởi, con người phải giáp mặt với sự khổ đau và tìm cách vượt qua. Nếu không có tấm lòng bao dung như đức Phật Di Lặc thì chúng ta khó mà tiếp nhận thực tế của cuộc sống. Thế nên, chúng ta hướng nguyện đến Ngài là hướng đến thực hạnh nguyện Từ Bi Hỷ Xả.

Di Lặc là một vị Bồ Tát được đức Phật thọ ký sẽ thành một vị Phật trong tương lai, thị hiện nơi chốn Ta bà để soi sáng Phật đạo. Người Trung Hoa tin rằng ngài đã hoá thân một vị hoà thượng được gọi là Bồ Đại trong khoảng thế kỷ thứ 10, có hình tượng mập mạp, vui vẻ, luôn đeo một bao bố trên lưng và hay chơi đùa với trẻ con. Nhiều câu chuyện kỳ diệu đã xảy ra với vị hoà thượng này, và đến khi Ngài viên tịch đã để lại một bài kệ nhận là Di Lặc. Vì vậy, những tôn tượng của Di Lặc được thờ ngày nay đều làm theo hình ảnh một vị sư mập mạp, bụng phệ, có vẻ mặt tươi cười với sáu đứa trẻ leo lên nghịch phá trên thân. Sáu đứa trẻ tượng

DẤU CHÂN XƯA

Người về tìm dấu chân xưa
Chiều nghiêng cỏ dại
rừng thưa lá vàng
Người về cuộc mộng vừa tan
Bờ khe lạnh bóng
mây ngang lưng đồi.

Y S A

trung cho sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, lúc nào cũng quấy nhiễu, lôi cuốn chúng ta theo những trần cảnh trước mắt. Nhưng đức Phật Di Lặc vẫn vui vẻ tươi cười, an nhiên bất động vì Ngài đã điều phục được sáu căn ấy, chuyên lục chượng thành lục thông, thấu suốt vô ngại.

Trong những ngày đầu năm người ta thường kiêng cử, giữ gìn lời ăn tiếng nói, tránh gây gỗ giận dữ. Đó cũng là một cách để thực hành Tứ Vô Lượng Tâm. Ngày lễ vía đức Phật Di Lặc nhằm vào ngày đầu năm, phải chăng đã nhắc nhở chúng ta noi theo hạnh của Ngài thực hiện Từ Bi Hỷ Xả trong cuộc đời, như vậy mọi nghiệp chướng sẽ hoá giải, phiền não chuyển hoá thành Bồ Đề, thân tâm được an lạc, tràn đầy niềm hạnh phúc.

Đón mừng xuân Di Lặc, cầu mong tất cả Tăng Ni, Phật tử nhận ra mùa Xuân của hành giả phát tâm Bồ Đề và chúng ta cũng phát tâm theo dấu chân Phật để tận hưởng mùa Xuân vĩnh hằng mà đức Phật đã thực chứng và hoằng truyền cho nhân loại.

Thư chúc Tết

của HT. Thích Thiện Lương

Năm 2014 vừa qua là một năm thành tựu của Ban Trị sự PGQ8 về công tác Tăng sự như bổ nhiệm và phục hồi lại cơ sở tự viện, nhất là công tác từ thiện xã hội. Luôn được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Trị sự Phật giáo Thành phố cũng như sự ủng hộ của các cấp Chính quyền, đặc biệt là Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận 8.

Ban Trị sự Phật Giáo Quận 8 kết hợp cùng các tự viện trong địa bàn như chùa Thường Quang, chùa Long Hoa thực hiện các công tác từ thiện xây cầu bê tông, xây nhà tình thương cho đồng bào vùng sâu, vùng xa; mổ mắt, tặng xe lăn, xe lắc, thẻ bảo hiểm y tế cho đồng bào nghèo. Các chùa Long Vân, Giác Linh, Lộc Dã, Thiên Trường, Phổ Minh, Liên Hoa, Vạn Hải, Linh Bửu, Vạn Liên đã ủng hộ 18 chiếc xe gắn máy để làm phương tiện sinh kế cho các hộ nghèo, tặng 160 chiếc xe đạp cho học sinh nghèo. Tổng số tiền thực hiện năm 2014 là 18 tỷ đồng.

Nhân dịp đón Xuân Ất Mùi, thay mặt Ban Trị sự Phật Giáo quận 8, tôi xin kính chúc quý Chư Tôn Hoà Thượng, chư Tôn Giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội các cấp, chư Tôn Hoà Thượng, Thượng Toạ Đại Đức, Tăng Ni, Quý Lãnh đạo các cấp chính quyền một năm mới **VÔ LƯỢNG AN LẠC, VÔ LƯỢNG CÁT TƯỜNG.**

TM.BAN TRỊ SỰ' GHPGVN Q.8

TRƯỞNG BAN - HOÀ THƯỢNG THÍCH THIỆN LƯƠNG

TRANG TIN PHẬT GIÁO QUẬN 8 TP. HỒ CHÍ MINH

PHẬT SỰ CUỐI NĂM

-Tổ chức Ngày Nhà Giáo 20/11 cho lớp Sơ cấp Phật học Quận 8 tại Chùa Huệ Lâm.

-Ban Trị Sự GHPGQ8 tổ chức lễ tổng kết công tác Phật sự năm 2014 tại Chùa Long Hoa.

-Đại diện Ban Trị Sự GHPGVN Q8 tham dự buổi họp mặt mừng Lễ Giáng Sinh 2014 do Giáo xứ Bình An Quận 8 tổ chức.

-Các tự viện trên địa bàn Quận 8 tổ chức phát phiếu gạo cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn trên 16 phường nhân dịp lễ Hạ Ngươn, rằm tháng Mười.

-Các tự viện hưởng ứng công trình của Đảng bộ và nhân dân quận 8 chào mừng 44 năm miền Nam hoàn toàn giải phóng qua việc trồng cây bàng vuông và treo bảng đồ đồ Việt Nam.

TỔNG KẾT PHẬT SỰ NĂM 2014

Qua một năm triển khai thực hiện theo chỉ đạo của GHPGVN TP.HCM, công tác Phật sự năm 2014 của Ban Trị sự GHPGVN Quận 8 đã thực hiện và đạt những thành quả sau:

Công tác Tăng sự: Ban trị sự Quận 8 đã ký xác nhận 190 văn bản chính thức có liên quan đến Phật sự. Căn cứ vào tinh thần An Cư Kiết Hạ năm 2014, được sự chỉ đạo

của GHPGVN TP.HCM, Ban Trị Sự GHPGVN Q8 đã tổ chức 05 điểm ACKH cắm túc tại chỗ trong đó chùa Thường Quang dành cho Chư Tăng, chùa Pháp Quang dành cho Chư Ni, Chùa An Phú dành cho Chư Tăng nội tự, chùa Bửu Quang và chùa Huệ Lâm dành cho Chư Ni nội tự.

Công tác Giáo dục: Chấp hành theo thông báo của Ban Giáo dục TP.HCM và sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu trường Cao Trung Phật Học TP.HCM, Ban Chủ nhiệm lớp Sơ cấp Phật học Quận 8 cho phép Tăng, Ni Khoá 9 tạm thời nghỉ học 03 tháng và yêu cầu Tăng, Ni đăng ký trường hạ để tu học. Lớp học sẽ tiếp tục chương trình học sau mùa ACKH kết thúc.

Công tác Hoằng Pháp và tổ chức các khóa tu:

- 07 Đạo tràng Bát Quan Trai gồm các chùa: An Phú, Phổ Đà Sơn, Từ Hiếu, Pháp Thạnh, Pháp Quang, Bửu Quang, Định Phước;

- 02 đạo tràng khoá tu Phật thất gồm Chùa An Phú, Bửu Quang;

- 02 đạo tràng khoá tu An Lạc 01 ngày gồm chùa Phổ Minh, Chùa Đông Phước;

- 01 đạo tràng Tu Thiền (Thái Tuệ) tại Tịnh Thất Pháp Thủy

- 02 giảng đường thuyết pháp gồm chùa An Phú và chùa Giác Linh.

Công tác Nghi Lễ: Thể hiện tinh thần báo đáp Tứ trọng

ân theo lời Phật dạy, tinh thần “Pháp hội Được Sư tiêu tai diên thọ kỳ quốc thái dân an, nguyện phong điều vũ thuận”, Ban Trị sự GHPGVN Q8 đề nghị mỗi cơ sở tự viên, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường... trên địa bàn Quận 8 tùy khả năng thiết lập đàn tràng Được Sư kỳ nguyện. Ban Trị sự đã cử TT.Thích Thiện Tài, Phó thường trực Ban BTSGHQ8 tham dự Đại lễ Phật Đản (Vesak) PL.2558 tại Chùa Bái Đình-Ninh Bình do GHPGVN đăng cai tổ chức.

Cộng tác từ thiện: Ban Trị sự GHPGVN Quận 8 kết hợp với UB.MTTQ Q8, ban Từ Thiện báo Giác Ngộ, báo Sài Gòn Giải phóng Hoa văn, ban Bảo trợ chùa Long Hoa, chùa Vạn Liên, chùa Thường Quang cứu trợ đồng bào bị bão lụt miền Trung và cứu trợ bà con nghèo tại tỉnh An Giang với tổng trị giá 1,2 tỷ đồng. Trong năm 2014, các tự viện trên địa bàn quận 8 đã thực hiện công tác từ thiện xã hội khoảng 8,2 tỷ đồng.

Những thành quả mà Ban Trị sự PGVNQ8 thực hiện trong năm 2014 đã thể hiện tinh thần “Hộ đạo, trợ đời” nhằm mục đích hiển dương chánh pháp của đức Từ phụ, góp phần xây dựng một xã hội văn minh và hạnh phúc.

THÍCH NỮ HIỀN THỦ

CHÙA PHÁP BẢO

(xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An)
do ĐĐ. Thích Tác Bản trụ trì

Trong năm 2014, chùa Pháp Bảo đã kết hợp với Hội Từ Thiện Nhân Ái TP.HCM thực hiện từ thiện tại xã Đinh K' nớ, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng với 650 phần quà trị giá 170 triệu đồng. Tại xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tặng 250 phần quà và tịnh tài cho người mù nghèo trị giá 80 triệu đồng.

Tuy lo cho người dân vùng xa, nhưng chùa Pháp Bảo không quên bà con nghèo tại địa phương với việc tặng 1.200 phần quà vào các dịp lễ Vu Lan, Cây Mùa Xuân năm Giáp Ngọ,... với tổng số tiền lên đến 263 triệu đồng.

Mừng Xuân Ất Mùi 2015, ngày 27 tháng Chạp nhà chùa tổ chức phát 400 phần quà cho các hộ dân nghèo tại địa phương.

Tổng cộng đã có 2.770 phần quà với tổng trị giá 649 triệu đồng được Ban Từ thiện chùa Pháp Bảo trao tặng cho người nghèo trong năm 2014.

Đại Đức Thích Tác Bản đã có mặt trong từng hoạt động từ thiện xã hội của chùa, động viên khuyến khích những thành viên trong Hội Từ Thiện chùa tích cực tham gia hoạt động tùy theo khả năng tốt nhất của từng người.

Nhân dịp đầu Xuân Ất Mùi, Đại đức Thích Tác Bản kính chúc chư Tôn Thiện đức, Tăng Ni, Phật tử một năm mới **“Thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường”**.

MAI CHÂU

MỤC LỤC

VĂN

2. TT.Thích Thiện TàiLá thư Chủ nhiệm
3. Đại Sư Ấn QuangKhai thị
4. HT.Thích Giác QuangXuất gia
5. HT. Thích Minh ChâuKinh Rượu
15. Hương Thanh NgọcTế Điền Hòa Thượng
23. Lafcadio HearnTỳ Bà ma khúc
40. Tịnh Viên cư sĩGiác
41. Trần Tam BảoMùa Xuân trên non cao
49. Trần Khánh Minh”Ác Tăng”
59. Cao Thị HoàngLão Dê
75. OshoĐừng chọn lựa
81. Nguyễn Đức TốNét Xuân trong truyện Kiều
87. Nguyễn DưMùa Xuân và Phật Di Lặc
91. Thích Nữ Hiền ThủPhật giáo Quận 8
94. Mai ChâuChùa Pháp Bảo

THƠ

Thích Thiện Tài, Nguyễn Hải Thảo, Nhật Triết, Đỗ Mỹ Loan, Viên Quang, Trần Thoại Nguyên, Nguyễn Ngọc Thơ, Trần Bảo Định, Nguyễn Phi Nguyên, Lê Mai Trinh, Thành Ngọc, Phan Cát Tường, Phạm Đông Hoàng, Yên Sa, Y Sa.

Thư pháp bìa: **Song Nguyên**



**ĐD. THÍCH TẮC BỒN
NHẬN BẰNG KHEN CỦA UBND TỈNH LONG AN**

Chùa Pháp Bảo

(xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa,
tỉnh Long An)

TRỤ TRÌ: ĐD. THÍCH TẮC BỒN

(xem trang 94)



**ĐD. THÍCH TẮC BỒN
TRƯỚC CỔNG TAM QUAN CHÙA PHÁP BẢO**



ĐD. THÍCH TẮC BỒN CÙNG ÔNG ĐẶNG VĂN PHÍ (CTUBMTTQ H.ĐỨC HÒA)

VÀ BÀ ĐO THỊ SƯƠNG (PCT UBND XÃ ĐỨC HÒA THƯỢNG) CHÚC TẾT MẸ VNAH XUÂN ẤT MÙI 2015

富
貴
壽
康
寧

Phu

Quy

Tho

Khang

Ninh



18.000 đồng